Bản tin

Nông nghiệp và Môi trường

Số 03/2026 SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG TỈNH QUẢNG NGÃI



- NỖ LỰC HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐẤT
- ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN, SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ SỐ HÓA HỒ SƠ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI
- ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG, TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nông nghiệp và Môi trường
QUẢNG NGÃI

Số 03/2026



Chịu trách nhiệm xuất bản:
Trưởng Ban Biên tập
Phó Giám đốc Sở NN và MT
NGUYỄN QUANG TRUNG

Phó Ban Biên tập:
ỨNG VĂN THANH
Giám đốc Trung tâm
Khuyến nông Quảng Ngãi
NGUYỄN VĂN HÙNG
Phó Chánh Văn phòng Sở

Tổ Thư ký
NGÔ MẠNH HÙNG
NGÔ HỮU VỸ
NGUYỄN TRUNG HIẾU

Bìa 1:

Đại biểu chụp hình lưu niệm sau Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường với các Hợp tác xã Nông nghiệp khu vực phía Đông tỉnh Quảng Ngãi năm 2026.

Địa chỉ liên lạc Ban biên tập:
182 Hùng Vương, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi
ĐT/FAX: 0255.3822.704 - 3737.156
Email: bientapkn@gmail.com

Trong số này

- Nỗ lực hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai nhằm nâng cao hiệu quả quản lý tài nguyên đất. 1
- Đẩy mạnh thực hiện dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích và số hóa hồ sơ trong giải quyết thủ tục hành chính về đất đai. 3
- Đẩy mạnh cải cách tài chính công, tạo nền tảng phát triển bền vững. 5
- Công tác quản lý mã số vùng trồng, cơ sở đóng gói theo quy định mới. 7
- Chuyển đổi số - giải pháp nâng tầm quản lý, bảo vệ rừng và bảo tồn đa dạng sinh học. 9
- Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, tuyên truyền, tập huấn các quy định về an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản". 11
- Chủ động phòng ngừa, ứng phó thiên tai, bảo đảm an toàn tính mạng và tài sản của nhân dân. 12
- Phát triển nuôi biển, khai thác thủy sản bền vững - chung tay giữ biển, giữ nghề. 15
- Chăn nuôi không tiếp xúc - giải pháp chủ động phòng, chống dịch bệnh và phát triển chăn nuôi lợn bền vững. 17
- Triển khai mô hình tiêm phòng điểm vắc xin lở mồm long móng cho gia súc tại xã Đăk Ui. 19
- Từ chuẩn hóa sản xuất đến nâng giá trị hạt gạo. 20
- Ngành muối Quảng Ngãi: Bứt phá vượt kế hoạch năm nhờ ứng dụng khoa học kỹ thuật. 22
- Công tác trồng cây phân tán phủ xanh đất trống, tạo "Lá chắn xanh" tại ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy. 25
- Chính sách dịch vụ môi trường rừng - động lực để người dân giữ rừng. 27
- Khát vọng làm giàu trên mảnh đất quê hương của anh kỹ sư công nghệ thông tin. 29
- Người tiên phong đưa giống nho mẫu đơn về Quảng Ngãi. 31

NỖ LỰC HOÀN THIỆN CƠ SỞ DỮ LIỆU ĐẤT ĐAI NHẰM NÂNG CAO HIỆU QUẢ QUẢN LÝ TÀI NGUYÊN ĐẤT

Nguyễn Văn Hùng
Văn phòng Sở

Xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu (CSDL) đất đai là nhiệm vụ trọng tâm nhằm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và kết nối đồng bộ với các CSDL quốc gia. Quảng Ngãi đang triển khai đồng bộ công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai và xây dựng CSDL trên toàn tỉnh.



Quảng Ngãi khẩn trương hoàn thiện dữ liệu đất đai

Tại 25 xã, phường phía Đông, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã hoàn thành mở thầu 12/12 gói thầu; trong đó 6 gói đã duyệt hồ sơ đề xuất kỹ thuật, 4 gói đã thương thảo hợp đồng và 2 gói đã ký kết hợp đồng, hiện các đơn vị trúng thầu đang thi công ngoài thực địa. Đối với 40 xã, phường phía Tây, 100% địa phương đã phê duyệt Đề cương nhiệm vụ. Sở Nông nghiệp và Môi trường cũng đã thẩm định xong thiết kế kỹ thuật cho toàn bộ 40 địa phương để hoàn thiện hồ sơ trình phê duyệt. Song song với việc tạo mới, tỉnh cũng tập trung làm giàu, làm sạch dữ liệu đối với những thửa đất đã có nhưng chưa đáp ứng các tiêu chí "đúng - đủ - sạch - sống".

Thống kê từ hệ thống VBDLIS tại 34 xã, phường thuộc phạm vi thực hiện cho thấy, toàn tỉnh hiện có 1.337.342 thửa đất, trong đó 838.248 thửa đã đạt tiêu chí. Tuy nhiên, tiến độ làm sạch dữ liệu gần đây có dấu hiệu chậm lại. Ông Võ Minh Vương, Phó Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, cho biết nguyên nhân chính là do tiêu chí đánh giá, phân loại trên hệ thống có sự thay đổi (bổ sung yêu cầu ký số hồ sơ quét), dẫn đến sụt giảm số lượng thửa đất đạt nhóm 1 và phát sinh thêm công đoạn rà soát, ký bổ sung. Bên cạnh đó, sự phối hợp cung cấp thông tin giữa các cơ quan, đơn vị chưa kịp thời. Phần lớn cấp xã chậm phản hồi thông tin cho các Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai; việc cung cấp thông tin đối với các trường hợp chưa tìm thấy dữ liệu trong CSDL quốc gia về dân cư cũng gặp nhiều vướng mắc.

Một nhiệm vụ trọng tâm khác là tiến hành kê khai, đăng ký đất đai và xây dựng CSDL cho các thửa đất chưa đăng ký hoặc đã cấp giấy chứng nhận theo bản đồ mới nhưng chưa được cập nhật đầy đủ. Khối lượng thực hiện dự kiến khoảng 371.205



Các địa phương ở tỉnh Quảng Ngãi đã huy động nhiều lực lượng để xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai

thửa (bao gồm 225.352 thửa của hộ gia đình, cá nhân và 145.853 thửa của tổ chức). Tổng kinh phí thực hiện nhiệm vụ này do Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tổng hợp ước tính khoảng 85,5 tỷ đồng. Việc cập nhật bổ sung này sẽ tạo nền tảng vững chắc phục vụ khai thác, sử dụng thông tin đất đai hiệu quả hơn.

Thực hiện việc sắp xếp đơn vị hành chính theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, Quảng Ngãi tích cực chỉnh lý bản đồ và CSDL đất đai nhằm bảo đảm tính thống nhất. Đến nay, Trung tâm Trắc địa và Quan trắc môi trường đã hoàn thành chỉnh ranh bản đồ địa chính cho 31 xã, phường, đặc khu và biên tập 423/4.432 tờ bản đồ. Đối với CSDL đất đai, tỉnh đã chuyển đổi, chỉnh lý xong tại 15/34 đơn vị cấp xã, với khối lượng 799.546 thửa đất không gian và 570.579 thửa đất thuộc tính. Công tác đồng bộ dữ liệu lên hệ thống thông tin đất đai quốc gia đã hoàn thành tại 10/31 đơn vị cấp xã theo tiêu chí mới và đang chờ phê duyệt. Quá trình này còn phát sinh một số lỗi kỹ thuật, Văn phòng Đăng ký đất đai đang tích cực phối hợp với Cục Chuyển đổi số và đơn vị phát triển phần mềm để xử lý triệt để.

Khối lượng dữ liệu cần chuẩn hóa vô cùng lớn trong khi yêu cầu kỹ thuật ngày càng chặt chẽ. Bên cạnh đó, hệ thống Văn phòng Đăng ký đất đai vẫn phải chịu áp lực lớn khi phải vừa thực hiện nhiệm vụ số hóa, vừa tiếp nhận giải quyết số lượng lớn hồ sơ thủ tục hành chính hằng ngày. Một "điểm nghẽn" lớn là việc đối khớp, xác thực thông tin chủ sử dụng đất với CSDL quốc gia về dân cư còn chậm. Nhiều trường hợp chủ đất đã chết nhưng chưa làm thủ tục thừa kế; hoặc thông tin họ tên, ngày tháng năm sinh trên Giấy chứng nhận lệch so với CSDL dân cư do sai sót khi kê khai trước đây hoặc đã cải chính nhân thân nhưng chưa đăng ký biến động. Hoàn thiện CSDL đất đai không chỉ là bài toán kỹ thuật mà còn là nhiệm vụ chính trị quan trọng trong quản lý tài nguyên và chuyển đổi số.

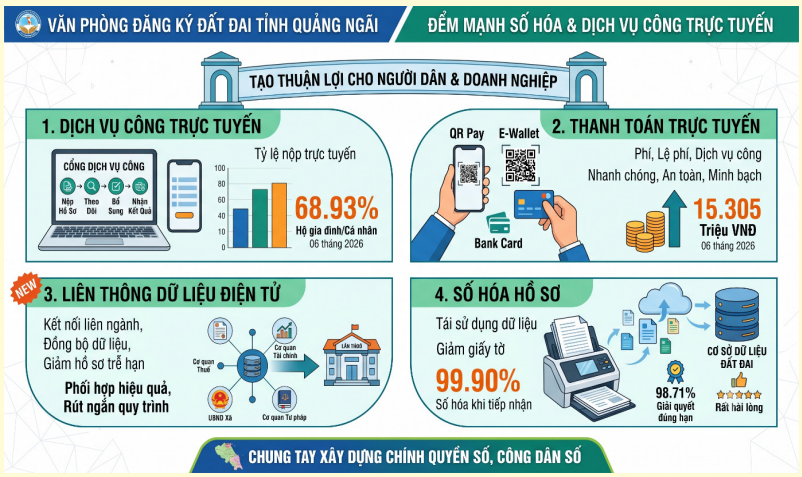
Nhấn mạnh tầm quan trọng của nhiệm vụ này, Phó Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi Đỗ Tâm Hiển yêu cầu các sở, ngành, địa phương tập trung tháo gỡ khó khăn, huy động tối đa nguồn lực để đẩy nhanh tiến độ nhưng phải bảo đảm chất lượng sản phẩm. Tỉnh quyết tâm vượt qua vướng mắc, hướng đến mục tiêu hoàn thành toàn bộ CSDL đất đai trong năm 2026, tạo hệ thống dữ liệu chuẩn hóa, chính xác, phục vụ tốt nhất cho cơ quan quản lý và nhu cầu của người dân, doanh nghiệp.

ĐẨY MẠNH THỰC HIỆN DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN, THANH TOÁN TRỰC TUYẾN, SỬ DỤNG DỊCH VỤ BƯU CHÍNH CÔNG ÍCH VÀ SỐ HÓA HỒ SƠ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH VỀ ĐẤT ĐAI

Nguyễn Tạ Quang Học
Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh

Thực hiện chủ trương của Chính phủ về đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, chuyển đổi số quốc gia và Đề án 06 của Thủ tướng Chính phủ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi đã tập trung triển khai đồng bộ các giải pháp hiện đại hóa công tác giải quyết thủ tục hành chính (TTHC) về đất đai. Việc đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích và số hóa hồ sơ góp phần nâng cao chất lượng phục vụ, rút ngắn thời gian, giảm chi phí cho người dân, doanh nghiệp, từng bước xây dựng nền hành chính công khai, minh bạch, chuyên nghiệp và hiện đại.

Trong bối cảnh mô hình chính quyền địa phương 02 cấp chính thức vận hành từ ngày 01/7/2025 theo Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh chủ động tham mưu, đề xuất và triển khai các giải pháp tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong quá trình chuyển giao hồ sơ, phân định thẩm quyền giải quyết, góp phần đưa dịch vụ hành chính công đến gần hơn với người dân và doanh nghiệp.



Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến

Các TTHC về đất đai được cung cấp trên môi trường điện tử thông qua Cổng Dịch vụ công, tạo điều kiện để người dân, doanh nghiệp thực hiện thủ tục mọi lúc, mọi nơi; đồng thời có thể nộp hồ sơ, theo dõi tình trạng xử lý, bổ sung hồ sơ, nhận thông báo kết quả và thanh toán phí, lệ phí trực tuyến.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, tổng số hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân tiếp nhận là **79.174 hồ sơ**, trong đó **43.060 hồ sơ được nộp trực tuyến, chiếm 68,93%** tổng số hồ sơ tiếp nhận mới. Đối với nhóm thủ tục đăng ký biến động quyền sử dụng đất do chuyển nhượng, cho thuê, thừa kế, tặng cho..., tỷ lệ hồ sơ nộp trực tuyến đạt **78,4%, với 18.635/23.799 hồ sơ**. Kết quả này phản ánh sự chuyển biến trong phương thức thực hiện TTHC, đồng thời cho thấy hiệu quả của công tác tuyên truyền, hướng dẫn và đầu tư, cải tiến hạ tầng kỹ thuật.

Thanh toán trực tuyến thuận tiện, minh bạch

Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt, niêm yết công khai số tài khoản, mã QR tại các Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả, đồng thời bố trí cán bộ hướng dẫn người dân thực hiện giao dịch điện tử khi nộp phí, lệ phí và các khoản giá dịch vụ công.

Trong 06 tháng đầu năm 2026, tổng số tiền thanh toán điện tử đối với phí, lệ phí và giá dịch vụ công trên địa bàn tỉnh đạt **15.305 triệu đồng**. Việc thanh toán trực tuyến góp phần giảm thời gian chờ đợi, hạn chế tiếp xúc trực tiếp, nâng cao tính công khai, minh bạch và tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp.

Đẩy mạnh số hóa hồ sơ

Xác định số hóa hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC là nhiệm vụ trọng tâm của chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh đã tập trung chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Tỷ lệ số hóa thành phần hồ sơ ngay khi tiếp nhận đạt **99,90%**, tương ứng **62.343/62.404 hồ sơ**; tỷ lệ số hóa kết quả giải quyết TTHC đạt **99,06%**, tương ứng **60.537/61.111 hồ sơ**.

Số hóa hồ sơ giúp người dân, doanh nghiệp giảm việc phải nộp lại giấy tờ đã được số hóa, rút ngắn thời gian kiểm tra, đối chiếu và hạn chế nguy cơ thất lạc hồ sơ. Đối với cơ quan nhà nước, việc khai thác, sử dụng lại dữ liệu điện tử giúp giải quyết các thủ tục tiếp theo nhanh chóng, chính xác và hiệu quả hơn. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tiếp tục kết nối, đồng bộ dữ liệu đất đai với Cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, từng bước hình thành nền hành chính số hiện đại.

Hoàn thiện cơ sở dữ liệu đất đai

Cùng với số hóa hồ sơ, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh tích cực triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch số **2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026** của liên Bộ Nông nghiệp và Môi trường - Bộ Công an và Kế hoạch số **128/KH-UBND ngày 10/4/2026** của UBND tỉnh về đo đạc, lập, chỉnh lý bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thiện cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai.

Việc đồng bộ, cập nhật, chỉnh lý cơ sở dữ liệu góp phần bảo đảm thông tin đất đai thống nhất, chính xác, kịp thời; đồng thời tạo nền tảng để người dân, doanh nghiệp thực hiện TTHC nhanh chóng, thuận tiện, giảm thời gian và chi phí đi lại.

Nâng cao chất lượng phục vụ

Song song với ứng dụng công nghệ số, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh xác định nâng cao chất lượng phục vụ là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt. Trong 06 tháng đầu năm 2026, **100% hồ sơ của tổ chức được giải quyết đúng hạn**, tỷ lệ giải quyết đúng hạn đối với hồ sơ của hộ gia đình, cá nhân đạt **98,71%**. Đặc biệt, tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh có **1.778 lượt đánh giá "Rất hài lòng"**.

Những kết quả trên là minh chứng cho nỗ lực cải cách hành chính, chuyển đổi số và nâng cao chất lượng phục vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, góp phần củng cố niềm tin của người dân, doanh nghiệp đối với cơ quan nhà nước.

Chung tay xây dựng nền hành chính hiện đại

Đẩy mạnh dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, sử dụng dịch vụ bưu chính công ích, số hóa và tái sử dụng kết quả

số hóa là những giải pháp quan trọng trong cải cách TTHC và chuyển đổi số. Với phương châm **"lấy người dân và doanh nghiệp làm trung tâm phục vụ"**, Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi khuyến khích các tổ chức, doanh nghiệp và người dân chủ động sử dụng dịch vụ công trực tuyến, ưu tiên thanh toán điện tử, lựa chọn dịch vụ bưu chính công ích khi gửi và nhận kết quả, đồng thời phối hợp trong quá trình số hóa hồ sơ.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực đất đai không chỉ là ứng dụng công nghệ vào quản lý mà còn là đổi mới phương thức vận hành, hướng đến nền hành chính phục vụ hiện đại. Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh Quảng Ngãi sẽ tiếp tục đổi mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, kịp thời tháo gỡ khó khăn, đồng hành và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp, góp phần xây dựng nền hành chính chuyên nghiệp, công khai, minh bạch và phục vụ Nhân dân ngày càng tốt hơn.

ĐẨY MẠNH CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG, TẠO NỀN TẢNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Đồng Nhật Thẩm
Phòng Kế hoạch, Tài chính Sở

Cải cách hành chính là một trong những nhiệm vụ trọng tâm nhằm xây dựng nền hành chính hiện đại, minh bạch, hiệu lực và hiệu quả. Trong đó, cải cách trong lĩnh vực tài chính công giữ vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần nâng cao chất lượng quản lý ngân sách, sử dụng nguồn lực tốt hơn và phục vụ nhân dân. Công tác cải cách hành chính công của Sở Nông nghiệp và Môi trường đang được triển khai đồng bộ, hiệu quả.

Trong năm 2026, Sở Nông nghiệp và Môi trường được UBND tỉnh giao dự toán thu ngân sách nhà nước 7.575 triệu đồng thu nguồn thu phí, lệ phí. Để đạt, vượt kế hoạch được giao, ngay từ đầu năm, các cơ quan, đơn vị có liên quan đã đề ra các kế hoạch, giải pháp, phân công nhiệm vụ cụ thể để tổ chức triển khai thực hiện.

Để phát triển, nâng cao chất lượng dịch vụ công, đáp ứng yêu cầu cải cách hành chính và đổi mới quản lý kinh tế trong giai đoạn mới; Sở Nông nghiệp và Môi trường tiếp tục thực hiện hiệu quả chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về quản lý sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước theo Nghị định số 75/2026/NĐ-CP ngày 16/3/2026 của Chính phủ và đổi mới cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 và Nghị định số 111/2025/NĐ-CP ngày 22/5/2025 của Chính phủ. Các đơn vị hành chính thuộc Sở chủ động hơn trong việc quản lý, sử dụng kinh phí, linh hoạt sử dụng nguồn lực để hoàn thành nhiệm vụ, đồng thời chú trọng tiết kiệm chi, tăng thu nhập cho cán bộ, công chức, tạo động lực làm việc và nâng cao chất lượng đội ngũ. Đối với đơn vị sự nghiệp công nghiệp, chủ động

hơn trong việc chuyển đổi cơ chế hoạt động, tích cực khai thác nguồn thu, nâng cao số lượng, chất lượng dịch vụ công, tăng mức độ tự chủ, giảm gánh nặng cho ngân sách nhà nước. Hiện nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường có 02 đơn vị tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư (nhóm 1) với mức độ tự đảm bảo chi từ 120% đến 162%; 11 đơn vị tự đảm bảo chi chi thường xuyên (nhóm 2) với mức độ tự đảm bảo chi từ 100% đến 119%; 01 đơn vị do Nhà nước bảo đảm một phần chi thường xuyên (nhóm 3) và Trung tâm Khuyến nông tỉnh là đơn vị do Nhà nước đảm bảo toàn bộ chi thường xuyên (nhóm 4).

Nhằm tạo bước chuyển tích cực trong công tác cải cách tài chính công, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã tập trung chỉ đạo các phòng, cơ quan, đơn vị có liên quan thuộc Sở tăng cường công tác chỉ đạo điều hành ngân sách nhà nước; thực hiện kết luận, kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; phòng ngừa tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản công theo đúng chế độ, tiêu chuẩn, định mức, bảo đảm tiết kiệm. Tổ chức rà soát, sắp xếp lại tài sản công bảo đảm sử dụng đúng mục đích, tiêu chuẩn, định mức theo chế độ quy định và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ; đẩy mạnh việc xử lý tài sản không còn nhu cầu sử dụng đúng quy định của pháp luật, công khai, minh bạch; kiên quyết thu hồi các tài sản sử dụng sai đối tượng, sai mục đích, vượt tiêu chuẩn, định mức; không để lãng phí thất thoát tài sản công.

Thực hiện công tác xử lý cơ sở nhà, đất dôi dư sau khi sắp xếp đơn vị hành chính; đến nay, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã chuyển giao về địa phương quan quản lý 36/36 cơ sở nhà, đất (trong đó: điều chuyển: 05 cơ sở; chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý: 31 cơ sở). Nhờ vậy, đã góp phần nâng cao hiệu quả quản lý tài sản công, không gây thất thoát, lãng phí.

Để tiếp tục phát huy hiệu quả công tác cải cách tài chính công, Sở Nông nghiệp và Môi trường đã đề ra những giải pháp trọng tâm cho năm 2026 và các năm tiếp theo. Đó là: Tiếp tục đổi mới cơ chế quản lý tài chính công; nâng cao hiệu quả quản lý và sử dụng ngân sách nhà nước theo hướng công khai, minh bạch, tiết kiệm, hiệu quả; đẩy mạnh thực hiện cơ chế tự chủ tài chính đối với các đơn vị sự nghiệp công lập theo lộ trình quy định; gắn với nâng cao chất lượng cung cấp dịch vụ công; tăng cường công khai, minh bạch trong quản lý, sử dụng ngân sách và tài sản công; thực hiện đầy đủ các quy định về công khai ngân sách; nâng cao hiệu quả phân bổ nguồn lực tài chính phục vụ phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm.

Nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu trong việc thực hiện quản lý tài chính, tài sản công; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; thực hiện nghiêm kỷ cương, kỷ luật, khắc phục tình trạng đùn đẩy, sợ sai, sợ trách nhiệm của đội ngũ cán bộ, công chức…, góp phần xây dựng một nền tài chính công minh bạch, hiệu quả, tạo động lực mạnh mẽ cho sự phát triển bền vững./.

CÔNG TÁC QUẢN LÝ MÃ SỐ VÙNG TRỒNG, CƠ SỞ ĐÓNG GÓI THEO QUY ĐỊNH MỚI

Trần Ngọc Yến Trang
Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Ngày 31/7/2026, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 36/2026/NQ-CP quy định đơn giản hóa thủ tục hành chính về mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, nhằm đẩy mạnh phân cấp, cải cách thủ tục hành chính, tạo thuận lợi cho người dân, doanh nghiệp; nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc và phát triển bền vững ngành trồng trọt.

Theo Nghị quyết 36, việc cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được thực hiện theo hướng đơn giản hóa thủ tục, giảm thành phần hồ sơ, rút ngắn thời gian giải quyết, tăng cường ứng dụng công nghệ số, không phát sinh thủ tục hành chính mới và chuyển mạnh từ tiền kiểm sang hậu kiểm. Cơ quan quản lý nhà nước tăng cường quản lý bằng cơ sở dữ liệu, thanh tra, kiểm tra sau cấp mã; đồng thời nâng cao trách nhiệm tự kê khai, tự chịu trách nhiệm của tổ chức, cá nhân trong đăng ký và sử dụng mã số.



Vùng trồng sầu riêng được quản lý theo yêu cầu của mã số vùng trồng

Công tác tuyên truyền tập trung vào điều kiện cấp mã số; cách đăng ký, kê khai hồ sơ; trách nhiệm của chủ thể sau khi được cấp mã số; ghi chép thông tin sản xuất; kiểm soát vật tư nông nghiệp và sinh vật gây hại, bảo đảm an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc và đáp ứng yêu cầu của thị trường.

Đến nay, tỉnh Quảng Ngãi đã được cấp và duy trì hiệu lực 77 mã số, gồm 71 mã số vùng trồng và 06 mã số cơ sở đóng gói.

Trong 71 mã số vùng trồng, có 46 mã số xuất khẩu, với tổng diện tích 722,41 ha, gồm sầu riêng, chuối, chanh dây, dưa hấu... và 25 mã số tiêu thụ nội địa, diện tích 107,9 ha, gồm lúa, rau đậu các loại, ớt, lạc, dừa xiêm... Tổng diện tích gần 800 ha.

Trong 06 mã số cơ sở đóng gói, có 02 mã số chuối với diện tích 2.969 m²; 01 mã số chanh dây với diện tích 1.200 m² và 03 mã số ớt với diện tích 2.700 m². Các cơ sở từng bước hoàn thiện hệ thống sơ chế, phân loại, đóng gói, nâng cao khả năng kiểm soát chất lượng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

Bên cạnh các mã số đang duy trì hiệu lực, Quảng Ngãi còn có 11 mã số vùng trồng đã được Cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật tổng hợp, gửi nước nhập khẩu Trung Quốc xem xét, chờ phê duyệt, gồm: 03 mã số vùng trồng ớt, 04 mã số vùng trồng sầu riêng, 02 mã số vùng trồng chè và 02 mã số vùng trồng chanh dây.

Sau khi Nghị quyết 36 được ban hành, UBND tỉnh Quảng Ngãi đã khẩn trương ban hành văn bản triển khai đến các Sở, ngành, địa phương, tập trung vào những nội dung mới:

Thứ nhất, toàn bộ quy trình cấp và quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được thực hiện trên môi trường số thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia và Hệ thống xử lý nghiệp vụ của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Tổ chức, cá nhân tự kê khai, tự chịu trách nhiệm; dữ liệu được quản lý theo nguyên tắc đúng, đủ, sạch, sống, bảo đảm công khai, minh bạch.

Thứ hai, Chủ tịch UBND cấp xã được giao cấp mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói, đồng thời thực hiện hậu kiểm, quản lý, thu hồi, tạm dừng hoặc khôi phục mã số theo quy định. Việc tiền kiểm chỉ áp dụng đối với trường hợp thị trường nhập khẩu có yêu cầu. Nghị quyết cũng khuyến khích hình thành vùng nguyên liệu tập trung, quy mô lớn phục vụ sản xuất và xuất khẩu.

Thứ ba, thành phần hồ sơ được cắt giảm tối đa, chỉ còn đơn đề nghị cấp mã số vùng trồng hoặc mã số cơ sở đóng gói; bãi bỏ bản thuyết minh theo Nghị định số 38/2026/NĐ-CP. Nội dung đơn chỉ yêu cầu thông tin cần thiết, không yêu cầu nộp lại giấy tờ đã có trong cơ sở dữ liệu nhà nước.

Thứ tư, thời gian giải quyết được rút ngắn từ 14 ngày xuống còn 03 ngày làm việc đối với vùng trồng không đăng ký xuất khẩu và 10 ngày làm việc đối với vùng trồng đăng ký xuất khẩu.

Thứ năm, dữ liệu mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói được quản lý tập trung, công khai và kết nối với hệ thống truy xuất nguồn gốc nông sản cùng các cơ sở dữ liệu liên quan, phục vụ quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước.

Thứ sáu, Nghị quyết 36 bãi bỏ quy định về diện tích tối thiểu, như mức 10 ha trước đây, không hạn chế cấp mã cho vùng trồng xen canh; đồng thời xác định rõ chủ thể chịu trách nhiệm nhằm bảo đảm khả năng truy xuất nguồn gốc.

Đơn giản hóa thủ tục hành chính không đồng nghĩa với hạ thấp tiêu chuẩn. Các vùng trồng, cơ sở đóng gói phục vụ xuất khẩu vẫn phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu về kiểm dịch thực vật, an toàn thực phẩm, kiểm soát sinh vật gây hại, ghi chép hồ sơ và truy xuất nguồn gốc theo quy định của từng thị trường nhập khẩu. Trường hợp vi phạm hoặc không duy trì điều kiện kỹ thuật sẽ bị tạm dừng, thu hồi mã số theo quy định.

Do đó, phân cấp mạnh cho cấp xã phải đi đôi với kiểm tra, giám sát và hậu kiểm, tránh tình trạng cấp nhanh nhưng buông lỏng quản lý.

Nghị quyết 36/2026/NQ-CP được kỳ vọng tạo chuyển biến mạnh trong quản lý mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói; giảm thời gian, chi phí thực hiện thủ tục hành chính, thúc đẩy chuyển đổi số, truy xuất nguồn gốc, nâng cao năng lực cạnh tranh và giá trị nông sản, góp phần phát triển ngành trồng trọt theo hướng bền vững.

CHUYỂN ĐỔI SỐ - GIẢI PHÁP NÂNG TẦM QUẢN LÝ, BẢO VỆ RỪNG VÀ BẢO TỒN ĐA DẠNG SINH HỌC

Nguyễn Lữ Thế Anh
Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi

Trong những năm gần đây, chuyển đổi số đang từng bước tạo ra những thay đổi quan trọng trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, phòng cháy, chữa cháy rừng (PCCCR) và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi. Từ những công cụ truyền thống, lực lượng Kiểm lâm Quảng Ngãi đang từng bước hình thành phương thức quản lý dựa trên dữ liệu số, bản đồ số, thiết bị thông minh và công nghệ giám sát hiện đại.

Công nghệ trở thành "cánh tay nối dài" của Kiểm lâm

Quản lý, bảo vệ rừng là nhiệm vụ đặc thù, địa bàn rộng, địa hình phức tạp, nhiều khu vực rừng nằm xa khu dân cư. Trong điều kiện đó, việc ứng dụng công nghệ giúp lực lượng Kiểm lâm nâng cao khả năng nắm bắt thông tin, phát hiện sớm các nguy cơ và tổ chức kiểm tra, xử lý hiệu quả hơn.

Thời gian qua, với quyết tâm đưa lĩnh vực lâm nghiệp vươn lên tầm cao mới, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi đã đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ số vào trong công tác. Qua đó, đầu tư hệ thống gồm 07 camera cảnh báo sớm nguy cơ cháy rừng, 17 flycam chuyên dụng hỗ trợ công tác tuần tra, giám sát và phòng cháy chữa cháy rừng. Với hệ thống camera phát hiện cháy sớm đang mở ra hướng tiếp cận mới trong công tác PCCCR. Thay vì chủ yếu dựa vào việc phát hiện cháy từ con người tại hiện trường, công nghệ giúp tăng khả năng giám sát, cảnh báo sớm tại những khu vực có nguy cơ cao.

Dữ liệu số – nền tảng của quản lý rừng hiện đại

Nếu camera và flycam giúp "nhìn thấy" rừng từ xa thì các phần mềm chuyên ngành giúp lưu trữ, kết nối và phân tích thông tin về rừng.

Việc sử dụng phần mềm theo dõi cập nhật diễn biến tài nguyên rừng(FRMS), giám sát rừng thông minh (FMS) Quảng Ngãi góp phần số hóa thông tin về diễn biến rừng, hỗ trợ theo dõi hiện trạng và biến động tài nguyên rừng. Cùng với đó, SMART hỗ trợ ghi nhận dữ liệu trong quá trình tuần tra, kiểm tra rừng, giúp thông tin rõ về tuyến tuần tra, vị trí, thời gian và những dấu hiệu phát hiện ngoài thực địa được quản lý khoa học hơn.

Giá trị lớn nhất của việc ứng dụng các phần mềm này không chỉ nằm ở việc thay thế hồ sơ giấy, mà quan trọng hơn là tạo lập nguồn dữ liệu phục vụ ra quyết định. Mỗi chuyến tuần tra, mỗi điểm kiểm tra, mỗi biến động được ghi nhận sẽ trở thành một phần của cơ sở dữ liệu phục vụ công tác quản lý, bảo vệ rừng lâu dài.

Cùng với dữ liệu về tài nguyên rừng, Chi cục Kiểm lâm còn ứng dụng Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành Ioffice, góp phần nâng cao hiệu quả quản trị, điều hành và theo dõi nhiệm vụ trong toàn lực lượng.

Chuyển đổi số trong bảo tồn đa dạng sinh học

Không chỉ tập trung vào quản lý rừng và PCCCR, chuyển đổi số còn đang



Các lực lượng sử dụng flycam phối hợp tuần tra truy quét ngăn chặn phá rừng tại xã Trà Giang

được mở rộng sang lĩnh vực bảo tồn đa dạng sinh học và quản lý động vật hoang dã.

Thông qua các dự án hỗ trợ, Chi cục Kiểm lâm Quảng Ngãi đã được trang bị 08 bẫy ảnh và 01 máy ảnh kỹ thuật số phục vụ điều tra, giám sát đa dạng sinh học. Đây là những công cụ có giá trị trong việc ghi nhận sự hiện diện, phân bố và hoạt động của các loài động vật hoang dã trong tự nhiên, đặc biệt đối với những loài quý, hiếm, khó quan sát trực tiếp.

Bẫy ảnh cho phép ghi nhận hình ảnh động vật trong điều kiện tự nhiên mà hạn chế tối đa sự tác động của con người. Những dữ liệu hình ảnh thu được là nguồn thông tin quan trọng phục vụ điều tra, đánh giá hiện trạng quần thể, xác định khu vực phân bố và xây dựng các giải pháp bảo tồn phù hợp.

Đối với công tác quản lý động vật hoang dã, phần mềm quản lý động vật hoang dã giúp từng bước số hóa thông tin về các cơ sở nuôi, loài, số lượng, nguồn gốc và những biến động liên quan. Qua đó, công tác quản lý, kiểm tra, thống kê và tham mưu xử lý được thực hiện nhanh chóng, khoa học và minh bạch hơn.

Từ ứng dụng công nghệ đến xây dựng Kiểm lâm số

Những kết quả bước đầu cho thấy chuyển đổi số đang làm thay đổi phương thức hoạt động của lực lượng Kiểm lâm Quảng Ngãi. Tuy nhiên, mục tiêu của chuyển đổi số không đơn thuần là trang bị thêm thiết bị hay phần mềm, mà quan trọng hơn là kết nối dữ liệu và nâng cao năng lực sử dụng dữ liệu.

Trong thời gian tới, việc kết nối camera cảnh báo cháy với bản đồ số; kết hợp dữ liệu flycam với FRMS; khai thác dữ liệu tuần tra SMART; tích hợp dữ liệu bẫy ảnh, máy ảnh kỹ thuật số với công tác điều tra đa dạng sinh học và quản lý động vật hoang dã sẽ tạo ra hệ thống thông tin ngày càng toàn diện về tài nguyên rừng và đa dạng sinh học.

Khi đó, người Kiểm lâm không chỉ dựa vào kinh nghiệm và những chuyến tuần tra thực địa, mà còn có thêm "đôi mắt số", "bản đồ số" và "kho dữ liệu số" để hỗ trợ công việc.

Chuyển đổi số vì thế đang trở thành một trong những giải pháp quan trọng để quản lý rừng chủ động hơn, PCCCR hiệu quả hơn, bảo tồn đa dạng sinh học khoa học hơn và nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về lâm nghiệp.

Công nghệ không thay thế hẳn cho con người, mà công nghệ giúp người Kiểm lâm nhìn xa hơn, phát hiện nhanh hơn, xử lý chính xác hơn và bảo vệ rừng hiệu quả hơn. Đây chính là nền tảng để Quảng Ngãi từng bước xây dựng một nền lâm nghiệp hiện đại, thông minh và phát triển bền vững./.

TĂNG CƯỜNG CÔNG TÁC KIỂM TRA, GIÁM SÁT, TUYÊN TRUYỀN, TẬP HUẤN CÁC QUY ĐỊNH VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM NÔNG LÂM THỦY SẢN"

Vũ Thị Nhung
Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng

Xác định an toàn thực phẩm (ATTP) là nhiệm vụ quan trọng, gắn trực tiếp với sức khỏe cộng đồng, chất lượng sản phẩm và sự phát triển bền vững của ngành nông nghiệp, thời gian qua, Chi cục Trồng trọt, Bảo vệ thực vật và Quản lý chất lượng (Chi cục) đã tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, đồng thời đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn và tập huấn các quy định về ATTP đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Trong 7 tháng đầu năm 2026, Chi cục đã phối hợp với UBND các xã, phường tổ chức kiểm tra ATTP đợt 1 năm 2026 đối với 35 cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh.

Qua kiểm tra, có 23 cơ sở đạt yêu cầu; 07 cơ sở không đạt yêu cầu do mắc các lỗi không nghiêm trọng, cơ sở đã khắc phục ngay sau khi Đoàn kiểm tra yêu cầu. Có 03 cơ sở không thực hiện kiểm tra, trong đó 01 cơ sở đã được địa phương kiểm tra trong năm 2026; 02 cơ sở chưa bố trí người đại diện làm việc với đoàn kiểm tra. Ngoài ra, 01 cơ sở đang ngưng hoạt động và 01 cơ sở không hoạt động sản xuất.



Kiểm tra ATTP tại cơ sở chế biến thủy sản

Đáng chú ý, qua đợt kiểm tra không phát sinh trường hợp phải xử lý vi phạm hành chính. Kết quả này cho thấy ý thức chấp hành các quy định về ATTP của các cơ sở sản xuất, kinh doanh từng bước được nâng lên; đồng thời công tác kiểm tra, hướng dẫn, nhắc nhở ngay tại cơ sở đã phát huy hiệu quả trong việc phòng ngừa nguy cơ mất ATTP.

Cùng với kiểm tra, công tác lấy mẫu giám sát an toàn thực phẩm cũng được Chi cục triển khai nhằm đánh giá nguy cơ và kiểm soát chất lượng sản phẩm nông lâm thủy sản lưu thông trên thị trường.

Đoàn lấy mẫu của Chi cục đã thực hiện lấy 24 mẫu thực phẩm nông, thủy sản và 09 mẫu giám sát dư lượng độc hại trong động vật thủy sản nuôi để phân tích các chỉ tiêu về ATTP. Kết quả: 30/33 mẫu đáp ứng yêu cầu về quy định ATTP, 03/24 mẫu chả thịt heo không đạt. Đối với mẫu thực phẩm không đạt yêu cầu, Chi cục đã thông báo đến cơ sở và các cơ quan chức năng liên quan; yêu cầu cơ sở tiến hành truy xuất nguồn gốc, điều tra nguyên nhân gây mất ATTP và thực hiện các biện pháp khắc phục. Các cơ sở có mẫu không bảo đảm ATTP đã báo cáo kết quả

khắc phục về Chi cục.

Bên cạnh kiểm tra và giám sát, công tác tuyên truyền, phổ biến và tập huấn các quy định về ATTP được xác định là giải pháp quan trọng nhằm nâng cao nhận thức, ý thức chấp hành pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh. Chi cục đã tổ chức 05 lớp tập huấn các quy định về ATTP cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh với 262 lượt người tham gia.

Tại các lớp tập huấn, các cơ sở được cập nhật những quy định mới, trang bị kiến thức về nhận diện và kiểm soát các mối nguy ATTP trong toàn bộ quá trình từ sản xuất, chế biến, bảo quản đến kinh doanh sản phẩm. Đây cũng là dịp để cơ quan quản lý trực tiếp hướng dẫn, giải đáp những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn hoạt động của cơ sở.

Nội dung tập huấn tập trung vào những vấn đề thiết thực như điều kiện bảo đảm ATTP, kiểm soát nguồn nguyên liệu, truy xuất nguồn gốc, ghi nhãn thực phẩm và các yêu cầu trong quá trình sản xuất, kinh doanh.

Việc triển khai đồng bộ các hoạt động kiểm tra, hậu kiểm, lấy mẫu giám sát, tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn và theo dõi việc khắc phục vi phạm đang góp phần nâng cao ý thức tự giác chấp hành pháp luật của các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, thủy sản trên địa bàn tỉnh. Qua đó, không chỉ kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những tồn tại trong quá trình sản xuất, kinh doanh mà còn từng bước chuyển từ kiểm soát sang chủ động phòng ngừa nguy cơ mất ATTP ngay từ cơ sở.

Thời gian tới, việc tiếp tục tăng cường kiểm tra, giám sát gắn với tuyên truyền, hướng dẫn và hỗ trợ cơ sở thực hiện đúng quy định sẽ góp phần xây dựng môi trường sản xuất, kinh doanh thực phẩm an toàn, minh bạch; nâng cao chất lượng, giá trị và uy tín sản phẩm nông, lâm, thủy sản của Quảng Ngãi. Qua đó, bảo vệ quyền lợi, sức khỏe người tiêu dùng và thúc đẩy phát triển thị trường nông sản theo hướng an toàn, bền vững.

CHỦ ĐỘNG PHÒNG NGỪA, ỨNG PHÓ THIÊN TAI, BẢO ĐẢM AN TOÀN TÍNH MẠNG VÀ TÀI SẢN CỦA NHÂN DÂN

Lê Viết Bình
Chi cục Thủy lợi

Năm 2025, thiên tai gây thiệt hại nặng nề, làm 11 người chết, 33 người bị thương, 37 nhà ở bị sập đổ, 1.949 nhà ở bị tốc mái, hư hỏng, cùng nhiều diện tích sản xuất nông nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi và cơ sở hạ tầng bị ảnh hưởng. Ngay sau thiên tai, UBND tỉnh đã kịp thời huy động các nguồn lực hỗ trợ chính quyền và người dân khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, do thiệt hại lớn, nguồn lực còn hạn chế, việc khắc phục hoàn toàn hậu quả sẽ cần nhiều thời gian.

Năm 2026, hiện tượng ENSO được dự báo có sự chuyển đổi, nghiêng về khả năng xuất hiện El NINO. Mặc dù bão, lũ có thể ít hơn trung bình nhiều năm, vẫn tiềm ẩn nguy cơ xuất hiện bão mạnh, rất mạnh, siêu bão. Mùa mưa, lũ được dự báo tập trung chủ yếu từ tháng 10 đến tháng 12.

Trước diễn biến ngày càng khó lường, công tác phòng ngừa, ứng phó thiên tai cần được triển khai chủ động ngay từ cơ sở, với mục tiêu cao nhất là bảo đảm an toàn tính mạng Nhân dân, giảm thấp nhất thiệt hại về tài sản của Nhà nước và Nhân dân.

Thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 24/3/2020 của Ban Bí thư; Thông báo số 117-TB/VPTW ngày 04/7/2026 về kết luận chỉ đạo của



Diễn tập hướng dẫn neo đậu, sắp xếp tàu thuyền tại cảng cá trước khi bão vào đất liền

đồng chí Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm; các cấp, ngành trong tỉnh tập trung rà soát, cập nhật phương án ứng phó, nhất là trong những tháng cuối năm 2026.

Chủ động từ cơ sở, lấy an toàn người dân làm trọng tâm

Các địa phương cần rà soát, cập nhật phương án ứng phó với hạn hán, xâm nhập mặn, thiếu nước, cháy rừng, bão mạnh, mưa lớn, lũ quét, sạt lở đất, ngập úng, sự cố hồ đập, đê điều; đồng thời chuẩn bị kịch bản đối phó với những tình huống bất thường, vượt mức lịch sử như đã xảy ra trong các năm 2024, 2025.

Bảo đảm an toàn tính mạng người dân phải được đặt lên hàng đầu. Chính quyền cơ sở cần nắm chắc các hộ dân tại khu vực nguy cơ cao; xác định đối tượng ưu tiên sơ tán, tuyến đường, phương tiện, lực lượng hỗ trợ. Phương châm "bốn tại chỗ" cần được củng cố phù hợp với từng địa bàn. Rà soát lực lượng phòng thủ dân sự, lực lượng xung kích tại xã, thôn, bản. Đồng thời, tăng cường phối hợp liên xã, liên địa bàn theo lưu vực sông, vùng hạ du hồ chứa, ven biển; xác định phương án chi viện khi vượt quá khả năng ứng phó tại chỗ.

Bên cạnh đó, cần chủ động rà soát khu vực có nguy cơ cao, lập danh sách hộ dân cần di dời, chuẩn bị phương tiện vận chuyển và lực lượng hỗ trợ. Đối với các vùng sản xuất, cần có phương án bảo vệ mùa vụ, vật nuôi, thủy sản và dự trữ giống, phân bón, thuốc bảo vệ thực vật, thức ăn chăn nuôi để phục hồi sản xuất sau thiên tai. Các địa phương cũng cần duy trì thông tin liên lạc, bảo vệ trường học, bệnh viện, công trình cấp nước và cơ sở thiết yếu trong tình huống khẩn cấp. Đây là những giải pháp nhằm giảm thiểu thiệt hại và rút ngắn thời gian phục hồi sau thiên tai.

Bảo vệ hạ tầng, duy trì sản xuất và đời sống

Thường xuyên kiểm tra an toàn hồ đập, đê điều, công trình phòng, chống thiên tai, giao thông, thủy lợi, điện, nước, viễn thông, trường học, bệnh viện, khu công nghiệp, cảng biển, khu neo đậu tàu thuyền. Kịp thời xử lý điểm mất an toàn, khơi thông dòng chảy, cảnh báo và hạn chế đi lại tại khu vực nguy hiểm.

Công tác phòng, chống thiên tai cần được tích hợp vào kịch bản điều hành tăng trưởng năm 2026, bảo đảm duy trì và phục hồi nhanh các lĩnh vực trọng yếu như công nghiệp, cảng biển, logistics, du lịch, nông nghiệp, thủy sản, năng lượng, điện, nước, viễn thông và giao thông.

Cảnh báo sớm, thông tin đúng, huy động hiệu quả nguồn lực

Cần chuyển mạnh từ cảnh báo hiện tượng sang cảnh báo tác động cụ thể, thông tin rõ khu vực có thể ngập, sạt lở, chia cắt, hộ dân cần sơ tán. Thông tin phải ngắn gọn, dễ hiểu, đến đúng người, đúng nơi, đúng thời điểm qua truyền hình, phát thanh, loa truyền thanh, tin nhắn, mạng xã hội. Khi mất

điện, mất sóng điện thoại, cần có phương án thay thế bằng loa lưu động, bộ đàm hoặc lực lượng đến từng hộ dân.

Nguồn lực phòng, chống thiên tai cần được huy động, điều phối công khai, minh bạch; ưu tiên phòng ngừa, cảnh báo sớm, xử lý hạ tầng xung yếu, di dời dân cư khỏi nơi nguy hiểm, cứu hộ, cứu nạn và bảo đảm nhu yếu phẩm thiết yếu.

Tăng cường đầu tư, sẵn sàng cứu hộ, cứu nạn

Giai đoạn 2026–2030, cần rà soát, ưu tiên các dự án đầu tư công phục vụ phòng, chống thiên tai, tập trung vào hồ đập, đê điều, tiêu úng, thoát lũ, phòng chống sạt lở, bố trí dân cư an toàn, cảnh báo sớm, dữ liệu số và hạ tầng chống chịu thiên tai.

Các địa phương cần chuẩn bị lực lượng, phương tiện, trang thiết bị cứu hộ, cứu nạn; xác định khu vực trọng điểm để bố trí lực lượng, phương tiện sẵn sàng cơ động. Hệ thống tổng đài 112 góp phần nâng cao khả năng tiếp nhận thông tin, hỗ trợ ứng phó thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

Phòng, chống thiên tai là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, trong đó phòng ngừa phải đi trước một bước. Chủ động chuẩn bị từ sớm, từ xa, ngay tại cơ sở; củng cố lực lượng, phương tiện và phương án "bốn tại chỗ" sẽ góp phần giảm thiểu thiệt hại, bảo vệ tính mạng, tài sản của Nhân dân, duy trì sản xuất và ổn định đời sống.

Với sự vào cuộc đồng bộ của cấp, ngành, địa phương và người dân, Quảng Ngãi sẽ từng bước nâng cao năng lực phòng ngừa, ứng phó, thích ứng với thiên tai, hướng tới xây dựng cộng đồng an toàn, chủ động và có khả năng chống chịu tốt hơn trước những diễn biến ngày càng cực đoan của thời tiết và khí hậu trên địa bàn.

PHÁT TRIỂN NUÔI BIỂN, KHAI THÁC THỦY SẢN BỀN VỮNG - CHUNG TAY GIỮ BIỂN, GIỮ NGHỀ

Nguyễn Trung Hiếu
Văn phòng Sở

Quảng Ngãi có lợi thế lớn về biển, đảo và truyền thống khai thác thủy sản lâu đời. Thủy sản không chỉ đóng góp quan trọng vào phát triển kinh tế mà còn gắn bó với đời sống, sinh kế của cộng đồng dân cư ven biển. Trước yêu cầu bảo vệ nguồn lợi, môi trường biển, thích ứng với biến đổi khí hậu và đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của thị trường, ngành thủy sản đang từng bước chuyển đổi theo hướng khai thác có trách nhiệm, phát triển nuôi biển hiện đại, an toàn và bền vững.

Những kết quả đáng ghi nhận

Trong 6 tháng đầu năm 2026, sản lượng khai thác thủy sản của tỉnh ước đạt 152.549 tấn, bằng 57% kế hoạch năm. Toàn tỉnh quản lý 4.856 tàu cá trên hệ thống VNFishbase; 99,49% tàu cá có chiều dài từ 15 m trở lên đã lắp đặt thiết bị giám sát hành trình (VMS).

Nuôi trồng thủy sản tiếp tục duy trì ổn định với tổng diện tích 2.178,2 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 6.827 tấn; diện tích nuôi tôm nước lợ đạt 290 ha, hoàn thành 100% kế hoạch năm; duy trì 146.800 m^3 lồng nuôi trên biển. Công tác bảo vệ, tái tạo nguồn lợi được chú trọng, với 1.052.800 con giống thủy sản được tổ chức thả.

Năm 2025, sản lượng khai thác thủy sản của tỉnh đạt 282,85 nghìn tấn, vượt kế hoạch; công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định (IUU) được triển khai quyết liệt.

Nuôi biển – hướng phát triển mới

Trong điều kiện nguồn lợi tự nhiên cần



Nuôi biển tại Đặc khu Lý Sơn

được bảo vệ và phục hồi, phát triển nuôi biển là hướng đi quan trọng nhằm mở rộng không gian sản xuất, tạo sinh kế và nâng cao giá trị kinh tế từ biển.

Tại Quảng Ngãi, các mô hình nuôi lồng bè trên biển tại Lý Sơn, Sa Huỳnh, Sa Kỳ và một số khu vực khác đang từng bước phát triển. Việc ứng dụng các loại vật liệu lồng nuôi có độ bền cao, khả năng chịu sóng gió tốt hơn góp phần nâng cao an toàn và hiệu quả sản xuất.

Giai đoạn 2026–2030, tỉnh định hướng phát triển nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững, hiện đại và hội nhập; phấn đấu đạt 52.000 tấn sản lượng nuôi trồng thủy sản/năm, trong đó nuôi biển 1.000 tấn/năm. Để thực hiện mục tiêu này, tỉnh tập trung phát triển hạ tầng vùng nuôi, ứng dụng khoa học - công nghệ, nâng cao chất lượng con giống, nguồn nhân lực và tăng cường liên kết sản xuất - tiêu thụ.

Phát triển nuôi biển phải gắn với bảo vệ môi trường. Người nuôi cần tuân thủ quy định về vùng nuôi, mật độ nuôi, kiểm soát môi trường, dịch bệnh và thu gom vật tư, rác thải phát sinh, hướng tới các vùng nuôi an toàn, sạch và hiệu quả.

Khai thác có trách nhiệm – giữ nghề cho tương lai

Nguồn lợi thủy sản là tài nguyên có giới hạn. Vì vậy, khai thác bền vững trước hết là khai thác đúng pháp luật. Chủ tàu, thuyền trưởng và ngư dân cần thực hiện đầy đủ các quy định về đăng ký, đăng kiểm, giấy phép khai thác, VMS, nhật ký khai thác và truy xuất nguồn gốc; không khai thác tại vùng biển nước ngoài, không sử dụng ngư cụ, phương pháp khai thác bị cấm và chấp hành các quy định về vùng biển, thời gian, đối tượng khai thác.

Thực hiện nghiêm các quy định chống khai thác IUU không chỉ góp phần đáp ứng yêu cầu quản lý và thị trường mà còn là trách nhiệm của mỗi ngư dân đối với tương lai của nghề cá. Việc duy trì VMS, ghi nhật ký và truy xuất nguồn gốc đầy đủ góp phần nâng cao tính minh bạch, trách nhiệm và giá trị sản phẩm thủy sản.

Chung tay giữ biển, giữ nghề

Phát triển thủy sản bền vững cần sự chung tay của cơ quan quản lý, ngư dân, người nuôi biển, hợp tác xã, doanh nghiệp và cộng đồng ven biển. Quảng Ngãi đang từng bước tăng cường quản lý đội tàu, chống khai thác IUU, phát triển nuôi trồng, tái tạo nguồn lợi và bảo vệ môi trường biển.

Thời gian tới, ngành thủy sản tiếp tục gắn khai thác với bảo vệ nguồn lợi, nuôi biển với bảo vệ môi trường, sản xuất với chế biến và tiêu thụ, hướng tới một nền thủy sản xanh, hiện đại và bền vững.

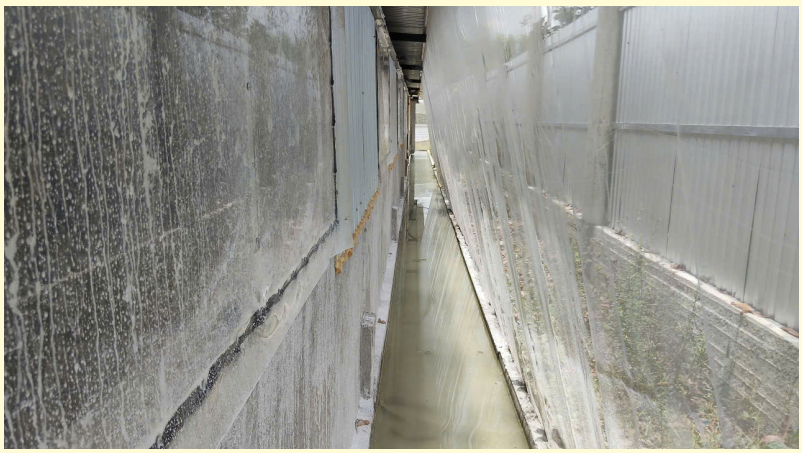
Mỗi chuyến biển hợp pháp là một hành động bảo vệ nghề cá. Mỗi vùng nuôi sạch là một hành động bảo vệ môi trường. Mỗi sản phẩm có nguồn gốc rõ ràng là một bước nâng cao giá trị thủy sản Quảng Ngãi. Mỗi hành động mang rác về bờ là một hành động giữ biển xanh.

CHĂN NUÔI KHÔNG TIẾP XÚC - GIẢI PHÁP CHỦ ĐỘNG PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH VÀ PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI LỢN BỀN VỮNG

Nguyễn Thanh Hiền
Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Từ đầu năm 2026 đến nay, dịch tả heo châu Phi xảy ra tại 378 hộ chăn nuôi, thuộc 110 thôn, 36 xã, phường; với tổng số lợn mắc bệnh và tiêu hủy bắt buộc 2.756 con/136.369 kg. Hiện tại còn 10 xã (Trường Giang, Ba Vinh, Đăk Ui, Minh Long, Mộ Đức, Mỏ Cày, Ba Xa, Ba Vì, Bình Sơn và Long Phụng) chưa qua 21 ngày kể từ trường hợp lợn mắc bệnh cuối cùng.

Trong bối cảnh dịch bệnh trên đàn vật nuôi còn diễn biến phức tạp, thêm sự biến chủng của Vi rút nên công tác phòng bệnh bằng vắc xin chưa mang lại hiệu quả cao nên việc áp dụng chăn nuôi an toàn sinh học (ATSH), chăn nuôi không tiếp xúc là biện pháp hữu hiệu trong công tác phòng chống dịch bệnh. Việc chủ động kiểm soát nguy cơ mầm bệnh xâm nhập vào cơ sở chăn nuôi có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Mô hình **"Chăn nuôi không tiếp xúc"** đang được xem là một giải pháp thiết thực, phù hợp với điều kiện chăn nuôi nông hộ, góp phần nâng cao an toàn sinh học, giảm nguy cơ dịch bệnh và bảo vệ hiệu quả sản xuất.



Che chắn côn trùng, bụi bẩn xâm nhập vào khu chăn nuôi

Nguyên tắc cơ bản của mô hình "chăn nuôi không tiếp xúc" là hạn chế tối đa sự tiếp xúc trực tiếp giữa đàn vật nuôi với con người, động vật khác và các yếu tố có nguy cơ mang mầm bệnh.

Để mô hình phát huy hiệu quả, việc triển khai cần được thực hiện đồng bộ ngay từ khâu chuẩn bị chuồng trại, con giống cho đến chăm sóc, nuôi dưỡng và xuất bán. Khu vực chăn nuôi phải được tách biệt tương đối với khu vực sinh hoạt của gia đình. Lối ra vào cần được kiểm soát; người không có nhiệm vụ không vào khu vực chuồng nuôi. Dụng cụ trang thiết bị sử dụng trong chuồng nên được bố trí riêng, vệ sinh và khử trùng thường xuyên. Con giống có nguồn gốc rõ ràng, khỏe mạnh; thực hiện kiểm tra, theo dõi và cách ly phù hợp trước khi nhập đàn.

"Một chiều" – nguyên tắc quan trọng trong chăn nuôi không tiếp xúc: đây là nguyên tắc rất quan trọng vì mô hình không chỉ dựa vào việc "hạn chế người tiếp xúc với vật nuôi" mà còn phải kiểm soát hướng di chuyển của người, vật nuôi, dụng cụ và chất thải để tạo thành hàng rào an toàn sinh học.

Mô hình phù hợp với chăn nuôi nông hộ: Ưu điểm nhất của chăn nuôi không tiếp xúc là chi phí đầu tư thấp, có thể áp dụng ngay tại các hộ chăn nuôi quy mô nhỏ nếu người dân thay đổi phương thức quản lý và tuân thủ đúng quy trình nhưng nó

mang lại hiệu quả cao.

Cần triển khai đồng bộ, không làm theo phong trào

Để mô hình phát huy hiệu quả, công tác tuyên truyền và hướng dẫn kỹ thuật cần được thực hiện thường xuyên; tăng cường hướng dẫn các hộ chăn nuôi xây dựng khu vực chăn nuôi an toàn; tổ chức tập huấn về vệ sinh, tiêu độc khử trùng, kiểm soát người và phương tiện ra vào, quản lý con giống, thức ăn, nước uống, xử lý chất thải và giám sát dịch bệnh.

Đối với các địa phương, có thể lựa chọn một số hộ chăn nuôi có điều kiện để **xây dựng mô hình điểm**, tổ chức tham quan, đánh giá kết quả và từng bước nhân rộng. Việc lựa chọn hộ tham gia cần ưu tiên những người có tinh thần tự nguyện, có khả năng thực hiện đúng quy trình và sẵn sàng chia sẻ kinh nghiệm với các hộ xung quanh.

Hướng đi cần được nhân rộng

Mô hình chăn nuôi không tiếp xúc, nếu được triển khai đúng bản chất, sẽ góp phần tạo ra hàng rào an toàn sinh học nhiều lớp cho cơ sở chăn nuôi. Đây cũng là hướng tiếp cận phù hợp để nâng cao ý thức của người dân trong phòng, chống dịch bệnh, giảm thiểu thiệt hại kinh tế và từng bước xây dựng ngành chăn nuôi theo hướng an toàn.

Mỗi hộ chăn nuôi thực hiện tốt một quy trình an toàn là thêm một "lá chắn" bảo vệ đàn vật nuôi. Khi nhiều hộ cùng thực hiện, những "lá chắn" riêng lẻ sẽ tạo thành một vùng chăn nuôi an toàn hơn, góp phần bảo vệ sinh kế của người dân và thúc đẩy ngành chăn nuôi phát triển ổn định, hiệu quả và bền vững.

Đối với tỉnh Quảng Ngãi, việc triển khai và nhân rộng mô hình chăn nuôi không tiếp xúc có thể được xem là một trong những giải pháp thực tiễn nhằm nâng cao hiệu quả phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở, nhất là đối với các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ.

TRIỂN KHAI MÔ HÌNH TIÊM PHÒNG ĐIỂM VẮC XIN LỞ MỒM LONG MÓNG CHO GIA SÚC TẠI XÃ ĐĂK UI

Nguyễn Văn Minh
Chi cục Chăn nuôi và Thú y

Thực hiện Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh động vật trên cạn và thủy sản năm 2026 của UBND tỉnh Quảng Ngãi và hưởng ứng phong trào thi đua "Dân vận khéo", Chi cục Chăn nuôi và Thú y phối hợp với UBND xã Đăk Ui triển khai mô hình điểm tiêm phòng vắc xin Lở mồm long móng (LMLM) cho đàn gia súc trên địa bàn.

Theo đó, trong tháng 6/2026, Chi cục Chăn nuôi và Thú y phân công lãnh đạo đơn vị cùng 04 công chức chuyên môn phối hợp với cán bộ xã, lực lượng dân quân, đoàn viên thanh niên và trưởng thôn tổ chức tiêm phòng cho đàn gia súc tại 06/06 thôn của xã Đăk Ui. Riêng tại thôn Đăk Kđem, mô hình được triển khai điểm với sự tham gia đông đảo của người dân.

Ngay sau lễ phát động, các tổ tiêm phòng đồng loạt triển khai tại các điểm tập trung và hộ chăn nuôi. Công tác tiêm phòng



Cán bộ Thú y hỗ trợ người dân đưa gia súc vào róng cố định và thực hiện tiêm phòng vắc xin

được thực hiện theo đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn cho người và vật nuôi. Đồng thời, 100% hộ chăn nuôi trong thôn được tuyên truyền, phổ biến về lợi ích, quyền lợi và trách nhiệm trong tiêm phòng vắc xin cho vật nuôi. Kết quả, trong hai ngày, toàn xã đã tiêm được 450 liều/750 con gia súc, đạt tỷ lệ 60% so với tổng đàn. Riêng thôn Đăk Kđem tiêm được 100 liều/120 con, đạt tỷ lệ 83% tổng đàn. Số giá súc còn lại chưa được tiêm do đang chửa ở thời kỳ cuối hoặc là gia súc non chưa đến độ tuổi tiêm phòng; địa phương sẽ tiếp tục tổ chức tiêm bổ sung để bảo đảm tỷ lệ theo quy định.

Việc triển khai mô hình đã góp phần nâng cao vai trò, trách nhiệm của chính quyền và cơ quan chuyên môn cấp xã trong công tác phòng, chống dịch bệnh; tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan chuyên ngành chăn nuôi, thú y cấp tỉnh với chính quyền địa phương. Qua đó, nhận thức và trách nhiệm của người chăn nuôi về tiêm phòng vắc xin được nâng lên, góp phần kiểm soát dịch bệnh, hạn chế thiệt hại và bảo vệ hiệu quả đàn vật nuôi.

Đồng thời, mô hình giúp địa phương có thêm kinh nghiệm trong tổ chức tiêm phòng, tạo tiền đề để nhân rộng tại các thôn khác trên địa bàn xã. Thời gian tới, Chi cục Chăn nuôi và Thú y tiếp tục phối hợp với các địa phương để nhân rộng mô hình, nâng cao hiệu quả tiêm phòng, góp phần kiểm soát, ngăn chặn dịch bệnh và phát triển chăn nuôi bền vững.

TỪ CHUẨN HÓA SẢN XUẤT ĐẾN NÂNG GIÁ TRỊ HẠT GẠO

Nguyễn Văn Hùng
Văn phòng Sở

Sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP giúp nông dân Quảng Ngãi kiểm soát chất lượng, nâng hiệu quả kinh tế và gắn sản xuất với thị trường.

Vụ Hè Thu năm 2026, Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi triển khai mô hình "Sản xuất lúa theo tiêu chuẩn VietGAP gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm" tại xứ đồng thôn Đồng Cát, xã Mộ Đức, quy mô 10 ha với 37 hộ tham gia. Mô hình hướng đến hình thành vùng sản xuất lúa hàng hóa tập trung, sử dụng vật tư hợp lý và nâng chất lượng hạt gạo. Trước yêu cầu về chất lượng nông sản, an toàn thực phẩm và truy xuất nguồn gốc, sản xuất lúa cần kiểm soát chặt quy trình.

Để hỗ trợ nông dân thay đổi tập quán, Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với UBND xã Mộ Đức và HTX Nông nghiệp thị trấn Mộ Đức tổ chức tập huấn cho 50 hộ dân trong và ngoài mô hình. Nội dung tập trung vào làm đất, gieo sạ, bón phân, quản lý nước, phòng trừ sâu bệnh và thu hoạch. 37 hộ tham gia được cấp giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật đúng chủng loại, số lượng, chất lượng và thời điểm; được hướng dẫn thực hiện quy trình VietGAP, xây dựng hồ sơ và ghi chép nhật ký.

Trên diện tích 2.500 m², ông Đoàn Buôn, trú thôn Đồng Cát, nhận thấy sự thay đổi. Trước đây, ông thường gieo sạ dày, sử dụng phân bón và thuốc bảo vệ thực vật theo kinh nghiệm; khi tham gia mô hình, ông được cán bộ kỹ thuật hướng dẫn theo từng giai đoạn sinh trưởng. "Trước đây tôi thường sạ hơn 7 kg giống cho 500 m² nhưng khi tham gia mô hình chỉ sử dụng khoảng 4,5 kg. Lượng phân bón cũng giảm khoảng 30%, thuốc bảo vệ thực vật không còn phun nhiều như trước mà sử dụng theo khuyến cáo. Quan trọng là mình biết cây lúa đang ở giai đoạn nào, cần chăm sóc và can thiệp kỹ thuật ra sao chứ không làm theo thói quen như trước", ông Buôn chia sẻ.



Lúa mô hình phát triển tốt, đáp ứng các chỉ tiêu từ khi gieo sạ đến khi lúa chín

Việc giảm giống, phân bón và thuốc bảo vệ thực vật ban đầu khiến nông dân lo ngại, nhưng cây lúa vẫn sinh trưởng tốt, năng suất đạt như mong đợi, tương đương hoặc cao hơn ruộng xung quanh. Theo ông Nguyễn Trung Tín, Giám đốc HTX Nông nghiệp thị trấn Mộ Đức, kết quả ghi nhận là nhận thức nông dân thay đổi. Nếu trước đây bà con chủ yếu quan tâm đến năng suất và chi phí đầu tư thì nay chú ý hơn đến chất lượng sản phẩm, an toàn thực phẩm, nguồn gốc vật tư và kiểm soát từng khâu sản xuất. Ghi chép nhật ký, sử dụng vật tư đúng quy định và thu gom bao bì sau sử dụng góp phần hình thành vùng sản xuất đồng bộ. "VietGAP không chỉ là chứng nhận về mặt kỹ thuật. Quan trọng hơn, đây là nền tảng để xây dựng uy tín cho vùng sản xuất và tạo niềm tin với đơn vị thu mua. Khi doanh nghiệp biết sản phẩm được sản xuất theo quy trình rõ ràng, có hồ sơ theo dõi, họ sẽ có thêm cơ sở để tin tưởng về chất lượng và nguồn gốc", ông Tín nói.

Theo Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi, mô hình cho kết quả tích cực. Năng suất lúa tươi ước đạt 75 tạ/ha, quy đổi lúa khô khoảng 64,8 tạ/ha, cao hơn ruộng đối chứng 2,8 tạ/ha. Tổng chi phí trực tiếp khoảng 37,584 triệu đồng/ha, cao hơn ruộng ngoài mô hình 1,164 triệu đồng/ha do tăng sử dụng phân hữu cơ vi sinh và bổ sung dinh dưỡng cân đối. Tuy nhiên, chi phí giống giảm 480.000 đồng/ha, công lao động giảm khoảng 2 triệu đồng/ha. Doanh thu đạt 46,5 triệu đồng/ha, cao hơn ruộng ngoài mô hình 6,82 triệu đồng/ha; lợi nhuận đạt 8,916 triệu đồng/ha, cao hơn ruộng đối chứng 5,656 triệu đồng/ha.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế, đầu ra ổn định quan trọng để duy trì mô hình. Ngay từ đầu vụ, Trung tâm Khuyến nông tỉnh phối hợp với UBND xã Mộ Đức và HTX Nông nghiệp thị trấn Mộ Đức làm việc với doanh nghiệp để bao tiêu sản phẩm. Doanh nghiệp tham gia từ đầu vụ giúp người dân giảm áp lực tìm đầu ra và tạo động lực tuân thủ quy trình. Ông Nguyễn Trung Tín cho rằng, nếu sản xuất VietGAP nhưng đầu ra không ổn định thì khó duy trì lâu dài. HTX mong muốn được hỗ trợ kết nối doanh nghiệp thu mua, chế biến, tiêu thụ; xây dựng vùng nguyên liệu và lựa chọn giống phù hợp từng đối tác. Khi đầu ra bảo đảm, HTX thuận lợi hơn trong vận động nông dân thay đổi giống, áp dụng kỹ thuật và thống nhất quy trình, từng bước hình thành vùng nguyên liệu.

Theo lãnh đạo Trung tâm Khuyến nông tỉnh Quảng Ngãi, mục tiêu mô hình không chỉ giúp người dân thực hiện đúng VietGAP, nâng chất lượng sản phẩm mà còn thay đổi từ tư duy sản xuất sang tư duy kinh tế. Để mô hình phát huy hiệu quả, cần sự đồng hành của chính quyền địa phương, cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp trong tuyên truyền, hướng dẫn kỹ thuật, kết nối tiêu thụ. Qua đó từng bước hình thành vùng nguyên liệu tập trung, nâng giá trị hạt gạo và hướng đến sản xuất lúa an toàn, hiệu quả, bền vững.

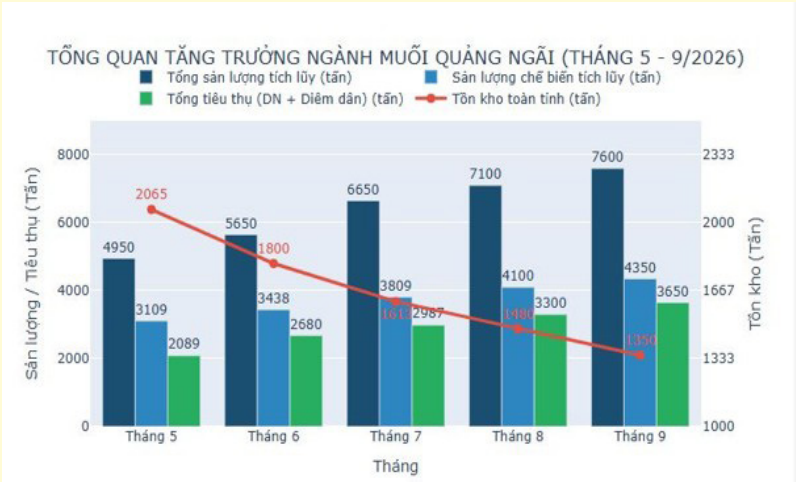
Ngành muối Quảng Ngãi:
BỨT PHÁ VƯỢT KẾ HOẠCH NĂM NHỜ ỨNG DỤNG KHOA HỌC KỸ THUẬT

✍ ***Nguyễn Trung Hiếu***
Văn phòng Sở

Ngành muối tỉnh Quảng Ngãi đang ghi nhận những bước tiến bứt phá trong năm sản xuất 2026. Tính đến Tháng 9/2026, toàn tỉnh đã chính thức hoàn thành và vượt chỉ tiêu kế hoạch cả năm trên cả hai phương diện diện tích và sản lượng. Kết quả này khẳng định hiệu quả rõ nét từ việc ứng dụng khoa học kỹ thuật trong sản xuất, tạo động lực mạnh mẽ thúc đẩy chế biến sâu và nâng cao giá trị hạt muối địa phương.

Theo Báo cáo của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Quảng Ngãi, đến tháng 9/2026, ngành muối địa phương không chỉ duy trì đà khởi sắc của các tháng giữa mùa vụ mà đã cán đích vượt chỉ tiêu kế hoạch năm 2026.

Cụ thể, tổng diện tích sản xuất muối toàn tỉnh đạt 115,00 ha, vượt 15% so với kế hoạch năm (KH: 100,00 ha) và tăng 10,58% so với cùng kỳ năm 2025 (104,00 ha). Trong đó, diện tích ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật như chuyển chạt và trải bạt ô kết tinh tiếp tục giữ vai trò hạt nhân thúc đẩy năng suất và đảm bảo chất lượng hạt muối.



Về sản lượng, tính đến kỳ báo cáo tháng 9/2026, toàn tỉnh đã thu hoạch đạt 7.600,00 tấn, chính thức vượt 8,57% chỉ tiêu kế hoạch năm (7.000,00 tấn) và đạt mức tăng trưởng ấn tượng +46,15% so với cùng kỳ năm 2025 (5.200,00 tấn).

Chuỗi số liệu tích lũy qua từng tháng phản ánh đà tăng trưởng liên tục và mạnh mẽ: Từ 4.950 tấn (cuối tháng 5), tăng lên 5.650 tấn (cuối tháng 6), đạt 6.650 tấn (cuối tháng 7) và tiếp tục bứt phá thêm 950 tấn để đạt mốc 7.600 tấn vào tháng 9. Như vậy, chỉ từ tháng 5 đến tháng 9/2026, sản lượng muối toàn tỉnh đã tăng thêm 2.650 tấn (tương đương mức tăng 53,5%).

Sự kết hợp giữa diện tích ứng dụng công nghệ (chiếm trên 70% tổng diện tích) và điều kiện thời tiết nắng ổn định đã giúp diêm dân tối ưu hóa chu kỳ kết tinh, nâng cao năng suất và giảm bớt sự phụ thuộc vào phương thức diêm nghiệp truyền thống.

Song hành cùng sự gia tăng về sản lượng nguyên liệu, ngành muối Quảng Ngãi ghi nhận sự chuyển dịch mạnh mẽ từ sản xuất muối thô sang chế biến sâu.

Tính đến cuối tháng 7, sản lượng muối chế biến toàn tỉnh đã đạt hơn 3.809 tấn (tăng gần 700 tấn so với cuối tháng 5). Sự sẵn có của nguồn nguyên liệu chất

lượng cao trong tháng 8 và tháng 9 tiếp tục tạo đà cho các doanh nghiệp đẩy mạnh công suất chế biến các mặt hàng muối tinh, muối iốt và các dòng sản phẩm đặc sản.

Nhiều doanh nghiệp địa phương đã chủ động phát triển các dòng sản phẩm mang lại giá trị kinh tế cao như muối tre, muối rong biển, muối hầm, muối tiêu và hoa muối. Sự chênh lệch về giá trị thương mại phản ánh dư địa phát triển rất lớn của chiến lược này:

Việc đa dạng hóa sản phẩm chế biến sâu giúp hạt muối Quảng Ngãi thâm nhập sâu vào các chuỗi bán lẻ, siêu thị và phân khúc tiêu dùng cao cấp, khẳng định thương hiệu muối sạch địa phương.

Thị trường tiêu thụ duy trì nhịp độ cải thiện tích cực qua từng kỳ báo cáo. Lượng muối bán ra của các doanh nghiệp tăng đều đặn từ 1.588,7 tấn (cuối tháng 5) lên 1.679,6 tấn (cuối tháng 6) và đạt 1.786,7 tấn (cuối tháng 7). Đồng thời, lượng muối tiêu thụ trực tiếp từ khu vực diêm dân tăng từ 500 tấn lên 1.200 tấn trong cùng giai đoạn.

Nhờ lực cầu thị trường ổn định, lượng muối tồn kho toàn tỉnh đã giảm mạnh từ hơn 2.065 tấn (cuối tháng 5) xuống còn khoảng 1.613 tấn (cuối tháng 7) và tiếp tục duy trì ở mức an toàn trong tháng 8 và tháng 9. Việc lưu thông hàng hóa thuận lợi giúp quay vòng vốn nhanh, giảm áp lực lưu kho và đảm bảo hiệu quả kinh tế cho người sản xuất.

Hiện nay, nghề muối tại Quảng Ngãi đang tạo sinh kế trực tiếp cho 515 hộ dân với khoảng 1.030 lao động và hơn 1.000 người phụ thuộc. Việc hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch Kinh tế - Xã hội năm 2026 ngay từ tháng 9 là mốc điểm tựa quan trọng cho ngành nông nghiệp tỉnh.

Trong thời gian tới, địa phương tiếp tục định hướng mở rộng mô hình ứng dụng khoa học kỹ thuật, khuyến khích doanh nghiệp đầu tư công nghệ chế biến hiện đại và hoàn thiện chuỗi liên kết sản xuất - tiêu thụ. Đây chính là chìa khóa để bảo tồn nghề muối truyền thống, nâng cao thu nhập cho diêm dân và phát triển bền vững kinh tế nông thôn Quảng Ngãi.

CÔNG TÁC TRỒNG CÂY PHÂN TÁN PHỦ XANH ĐẤT TRỐNG, TẠO "LÁ CHẮN XANH" TẠI BAN QUẢN LÝ RỪNG PHÒNG HỘ KON RẪY

✍ ***Nguyễn Thị Huệ***
Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy

Dọc khu vực đèo Măng Đen, hai bên Tỉnh lộ 676 (đoạn qua xã Đăk Kôi) và trên nhiều tuyến đường bê tông nông thôn, những hàng cây xanh đang phát triển tốt, góp phần chống xói mòn đất, hạn chế sạt lở và tạo cảnh quan xanh, sạch, đẹp. Những mảng xanh ấy là kết quả từ nỗ lực phủ xanh đất trống và trồng cây phân tán của Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy trong suốt những năm qua.

Xác định trồng cây phân tán là một trong những nhiệm vụ thường xuyên, có ý nghĩa thiết thực trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng, hằng năm, Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy đã chủ động xây dựng kế hoạch, lựa chọn thời điểm phù hợp và linh hoạt tổ chức các đợt ra quân trồng cây. Qua đó, từng bước nâng cao diện tích cây xanh, cải thiện cảnh quan, bảo vệ đất và góp phần xây dựng môi trường sinh thái bền vững.

Trong 5 năm qua, Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy đã huy động hàng trăm ngày công của viên chức, người lao động và cộng đồng dân cư nhận khoán bảo vệ rừng để thực hiện trồng 25 nghìn cây thông ba lá cùng



Hình ảnh cộng đồng dân cư thực hiện công tác trồng rừng

nhiều loài cây bản địa khác. Việc trồng cây được triển khai phù hợp với điều kiện thực tế từng khu vực, ưu tiên những vị trí đất trống, khu vực có nguy cơ xói mòn, sạt lở và những nơi cần tăng cường độ che phủ cây xanh.

Với tinh thần trách nhiệm trong công tác quản lý, bảo vệ rừng nhân viên Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy cùng các cộng đồng nhận khoán bảo vệ rừng đã tích cực tham gia các hoạt động trồng và chăm sóc cây xanh. Những hàng cây được trồng dọc các tuyến đường, khu vực đèo Măng Đen không chỉ tạo thêm mảng xanh cảnh quan mà còn góp phần giữ đất, hạn chế dòng chảy bề mặt, chống xói mòn và bảo vệ kết cấu đất ở những khu vực có địa hình dốc.

Đặc biệt, tại một số khu vực bờ taluy ven đường và khu vực tiếp giáp với đất sản xuất, canh tác của người dân, đơn vị đã triển khai trồng cây tạo thành những "lá chắn xanh". Những dải cây xanh này có tác dụng giữ đất, hạn chế xói lở, giảm tác động của mưa lớn và dòng chảy trên bề mặt, đồng thời góp phần cải thiện cảnh quan môi trường. Đây cũng là giải pháp phù hợp nhằm tăng cường bảo vệ đất, tài nguyên rừng và phòng chống xói lở.

Gắn trồng cây với chăm sóc, bảo vệ và phát triển rừng bền vững

Theo Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy, để việc trồng cây thực sự mang lại hiệu quả lâu dài, đơn vị không chỉ quan tâm đến số lượng cây được trồng mà đặc biệt chú trọng đến chất lượng cây giống, lựa chọn vị trí trồng phù hợp, kỹ thuật trồng và công tác chăm sóc sau trồng. Đây là yếu tố quan trọng nhằm đảm bảo tỷ lệ cây sống cao, sinh trưởng tốt và phát huy hiệu quả phòng hộ, bảo vệ môi trường.

Thực tế cho thấy, trồng cây chỉ là bước khởi đầu; việc chăm sóc, bảo vệ cây sau khi trồng mới quyết định hiệu quả lâu dài của hoạt động này. Vì vậy, Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy tiếp tục phân công cán bộ, nhân viên, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng, cùng các cộng đồng nhận khoán thường xuyên kiểm tra, theo dõi diện tích cây mới trồng, kịp thời phát hiện những cây bị chết, sinh trưởng kém để có phương án trồng bổ sung và chăm sóc phù hợp.

Những kết quả đạt được trong công tác trồng cây phân tán thời gian qua đã góp phần tạo thêm nhiều mảng xanh trên địa bàn, cải thiện cảnh quan và chất lượng môi trường sinh thái. Đồng thời, hoạt động này cũng đóng góp tích cực vào mục tiêu nâng tỷ lệ che phủ rừng của địa phương theo kế hoạch năm 2026.

Tiếp tục lan tỏa màu xanh

Phát huy những kết quả đạt được, thời gian tới, Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy tiếp tục triển khai hiệu quả công tác quản lý, bảo vệ và chăm sóc diện tích cây trồng mới; đồng thời duy trì và đẩy mạnh phong trào trồng cây phân tán gắn với điều kiện thực tế của từng khu vực, tập trung lựa chọn các vị trí phù hợp để trồng cây, ưu tiên khu vực đất trống, khu vực có nguy cơ xói mòn, sạt lở và những vị trí có ý nghĩa trong việc tạo hành lang, vành đai cây xanh bảo vệ môi trường. Cùng với việc mở rộng diện tích trồng, công tác chăm sóc, bảo vệ sau trồng sẽ tiếp tục được chú trọng nhằm đảm bảo tỷ lệ cây sống và khả năng sinh trưởng, phát triển của cây trồng.

Song song với đó, Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy tiếp tục tăng cường các giải pháp quản lý, bảo vệ rừng, đẩy mạnh tuyên truyền, vận động cộng đồng cùng tham gia bảo vệ và phát triển rừng.

Từ những việc làm cụ thể, thiết thực, màu xanh của rừng đang từng bước được nối dài. Mỗi cây xanh được trồng, mỗi diện tích đất trống được phủ xanh không chỉ góp phần hoàn thành các mục tiêu về độ che phủ rừng mà còn thể hiện trách nhiệm của Ban quản lý rừng phòng hộ Kon Rẫy trong việc gìn giữ tài nguyên thiên nhiên, bảo vệ môi trường và hướng tới một nền lâm nghiệp phát triển ổn định, bền vững.

CHÍNH SÁCH DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG RỪNG - ĐỘNG LỰC ĐỂ NGƯỜI DÂN GIỮ RỪNG

✍ ***Nguyễn Thị Lệ***
Quỹ Bảo vệ môi trường, PTR và PCTT

Quảng Ngãi không chỉ có biển xanh mà còn sở hữu hàng trăm nghìn héc-ta rừng tự nhiên trải dài trên các huyện miền núi. Những năm qua, chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã trở thành nguồn lực tài chính quan trọng, góp phần bảo vệ "lá phổi xanh", cải thiện sinh kế cho người dân và nâng cao hiệu quả quản lý, bảo vệ rừng. Thành công của chính sách được tạo nên từ sự đồng thuận và tham gia tích cực của chính người dân địa phương.

Cộng đồng chung sức giữ rừng.

Sự ra đời của chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR) đã tạo bước ngoặt trong công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Tuy nhiên, để chính sách phát huy hiệu quả bền vững, sự đồng thuận và chủ động tham gia của người dân bản địa có vai trò quyết định. Quản lý rừng dựa vào cộng đồng là giải pháp tăng cường sự tham gia của cộng đồng dân cư địa phương vào công tác bảo vệ và phát triển rừng. Sau hơn 15 năm triển khai chính sách chi trả DVMTR, công tác quản lý, bảo vệ rừng, nhất là diện tích rừng cung ứng DVMTR của các hộ gia đình và cộng đồng dân cư thôn được nhận tiền chi trả, từng bước được nâng cao.

Người dân ngày càng có ý thức, trách nhiệm hơn trong quản lý, bảo vệ và phát triển rừng. Các chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao đất, giao rừng và các hộ, nhóm hộ nhận khoán QLBVR đã chủ động xây dựng, thực hiện kế hoạch tuần tra hằng tháng, phân chia khu vực tuần tra và tăng cường phối hợp trong cộng đồng, với chính quyền địa phương

và các ngành chức năng. Qua đó, diện tích rừng cung ứng DVMTR được bảo vệ tốt hơn, tình trạng phá rừng, lấn chiếm đất rừng, khai thác lâm sản trái phép giảm đáng kể cả về số vụ và mức độ thiệt hại.

Tính đến ngày 15/9/2026, toàn tỉnh đã chi trả 51.987 triệu đồng tiền DVMTR năm 2025 cho 3.594/3.602 hộ gia đình, cá nhân và 197/212 cộng đồng dân cư thôn được Nhà nước giao đất, giao rừng. Hiện còn 764 triệu đồng đang tiếp tục thanh toán cho 8 hộ gia đình, cá nhân và 15 cộng đồng dân cư thôn. Tiền DVMTR tiếp tục khẳng định vai trò là đòn bẩy kinh tế quan trọng đối với đồng bào dân tộc thiểu số sống gần rừng. Từ nguồn thu nhập ổn định này, góp phần giúp các hộ gia đình, cá nhân và cộng đồng dân cư dần ổn định cuộc sống.

Bước chuyển mình từ nhận thức của đồng bào miền núi

Với diện tích 1.826 ha rừng được chi trả tiền DVMTR(trong đó có 172 chủ rừng là hộ gia đình; 13 chủ rừng là cộng đồng) những năm qua người dân xã Sơn Tây Thượng đã tích cực chăm sóc, bảo vệ để rừng ngày càng thêm xanh. Từ chính sách chi trả tiền DVMTR đã và đang tạo thêm thu nhập, giúp bà con



Tuần tra rừng giáp ranh trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng.

xã Sơn Tây Thượng có thêm vốn để đầu tư sản xuất như: Mua cây, con giống, mở rộng diện tích canh tác của gia đình…

Cộng đồng thôn Tang Toong xã Sơn Tây Thượng quản lý bảo vệ 47,7 ha rừng cung ứng DVMTR với số tiền DVMTR năm 2025 hơn 23 triệu đồng. Ông Đinh Văn Thanh - Bí thư chi bộ cộng đồng dân cư thôn Tong Tang cho biết: "Diện tích rừng của cộng đồng chúng tôi cung ứng cho lưu vực thủy điện Thượng Sơn Tây, Sơn Tây. Với số tiền DVMTR hàng năm, chúng tôi đã lập kế hoạch sử dụng tiền DVMTR hiệu quả bám sát theo quy chế đã được cộng đồng thông qua. Việc lập kế hoạch sử dụng tiền DVMTR và kế hoạch tuần tra quản lý bảo vệ rừng đã được cộng đồng thực hiện tốt qua các năm. Tôi nhận thấy, tiền DVMTR đã và đang đem lại nhiều lợi ích thiết thực cho cộng đồng tôi, một trong những cộng đồng quản lý bảo vệ rừng ở vùng sâu, vùng xa; ý thức được tầm quan trọng của việc quản lý, bảo vệ rừng của cộng đồng nói riêng và diện tích rừng trên địa bàn xã Sơn Tây Thượng nói chung, chúng tôi đã phối hợp chặt chẽ với UBND xã Sơn Tây Thượng, Hạt kiểm lâm khu vực VII trong công tác tổ chức tuần tra bảo vệ rừng; tuyên truyền vận động nâng cao nhận thức của bà con trong thôn về công tác bảo vệ rừng".

Theo Quỹ Bảo vệ môi trường, Phát triển rừng và Phòng, chống thiên tai tỉnh Quảng Ngãi, công tác chi trả tiền DVMTR những năm qua luôn được thực hiện công khai, minh bạch, đúng đối tượng và đúng thời gian. Quỹ cũng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý dữ liệu,

kiểm tra diện tích rừng và phối hợp với chính quyền địa phương nhằm bảo đảm nguồn tiền đến đúng người hưởng lợi.

Có thể thấy, việc gắn trách nhiệm với quyền lợi một cách hợp lý, rõ ràng đã tạo động lực để người dân tích cực tham gia bảo vệ rừng. Bảo vệ rừng tốt đồng nghĩa với việc thực hiện dịch vụ tốt và được hưởng tiền chi trả DVMTR tương xứng. Nhờ nguồn tiền DVMTR được chi trả kịp thời, minh bạch, người dân tại các thôn, làng vùng cao Quảng Ngãi đã chuyển từ thế "ứng phó" sang "chủ động". Người dân tự giác ký cam kết bảo vệ rừng, tham gia các tổ, đội tuần tra, từng bước hình thành ý thức và trách nhiệm trong bảo vệ rừng, coi đây vừa là nghĩa vụ, vừa là quyền lợi của bản thân và cộng đồng. Qua đó, nhận thức về vai trò, tầm quan trọng của rừng trong cộng đồng ngày càng được nâng lên.

Khi quyền lợi được gắn chặt với trách nhiệm, mỗi người dân trở thành một "kiểm lâm của cộng đồng". Đó cũng là nền tảng để chính sách chi trả dịch vụ môi trường rừng tiếp tục lan tỏa, góp phần giữ mãi màu xanh cho những cánh rừng Quảng Ngãi hôm nay và mai sau./.

KHÁT VỌNG LÀM GIÀU TRÊN MẢNH ĐẤT QUÊ HƯƠNG CỦA ANH KỸ SƯ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

Mỹ Nữ
Trung tâm Khuyến nông

Áp lực từ guồng quay công việc dày đặc nơi đô thị cùng khát vọng làm giàu trên mảnh đất quê hương đã thôi thúc anh Vũ Đức Thắng (38 tuổi, xã Ba Vì, tỉnh Quảng Ngãi) đưa ra quyết định táo bạo. Năm 2018, sau hơn 10 năm làm kỹ sư công nghệ thông tin đầy triển vọng tại TP.HCM, anh Thắng cùng vợ quyết định "bỏ phố về rừng" để khởi nghiệp trên vùng đồi rộng hơn 10 ha của gia đình, nơi trước đây vốn chỉ trồng keo và mì.

Trước khi bắt tay vào sản xuất, anh Thắng dành nhiều thời gian nghiên cứu kỹ lưỡng điều kiện khí hậu, thổ nhưỡng địa phương và khảo sát các mô hình nông nghiệp thành công. Nhận thấy cây dứa có khả năng thích nghi tốt với đất đồi dốc, ít sâu bệnh và mang lại giá trị kinh tế cao, hai vợ chồng anh đã mạnh dạn cải tạo mặt bằng, ứng dụng cơ giới hóa để biến những vạt đồi cằn cỗi thành đất canh tác bền vững.

Hiện tại, gần 5 ha đất đã được phủ xanh bởi vườn dứa phát triển tốt. Nhờ tư duy nhạy bén của một người làm công nghệ, anh Thắng không chỉ tối ưu hóa hiệu quả sản xuất mà còn chủ động liên kết chặt chẽ với doanh nghiệp để đảm bảo đầu ra ổn định. Quyết định thay đổi này đã giúp anh biến nguồn tài nguyên đất đai sẵn có thành một trang trại trù phú, mở ra một chương mới tự do và ý nghĩa hơn ngay tại quê nhà.

Bí quyết để anh Thắng "đứng vững" trước rủi ro nghề nông là chủ động ký hợp đồng bao tiêu toàn bộ 5 ha dứa với doanh nghiệp, đi kèm chính sách bảo hiểm thiên tai. Tuy nhiên, anh khẳng định: "Cái gốc vẫn phải từ nội lực, nghĩa là phải làm chủ được kỹ thuật và chuẩn hóa quy trình ngay từ đầu".

Anh đã tham gia các lớp tập huấn, tham quan mô hình lớn và xóa bỏ lối mòn canh tác truyền thống.



Anh Vũ Đức Thắng chăm sóc đàn heo thịt của gia đình

Người kỹ sư công nghệ đưa khoa học kỹ thuật vào đất đai qua quy trình nghiêm ngặt: Bón phân khoa học, lắp hệ thống tưới tiêu thông minh chống ngập úng, và ưu tiên công nghệ sinh học để tăng đề kháng tự nhiên cho cây thay vì lạm dụng thuốc bảo vệ thực vật. Nhờ đầu tư đúng hướng, vườn dứa sinh trưởng rất đồng đều, đạt chỉ số sinh học lý tưởng, hứa hẹn vượt qua các rào cản kiểm định nghiêm ngặt khi thu hoạch.

Không dừng lại ở đó, anh Thắng tối ưu hóa diện tích bằng cách nuôi khép kín hơn 200 con heo và thử nghiệm 3 con hươu sao sinh sản. Trang trại vận hành theo chu trình tuần hoàn: Chất thải nuôi heo được xử lý bằng công nghệ sinh học làm phân bón hữu cơ cho dứa; ngược lại, phụ phẩm lá và vỏ dứa được tận dụng làm thức ăn cho hươu. Chu trình này vừa triệt tiêu chất thải, bảo vệ môi trường đồi núi, vừa giảm tối đa chi phí. Minh chứng là lứa heo đầu tiên xuất bán đã mang về khoản lợi nhuận ròng khoảng 200 triệu đồng.

Để giúp đỡ cộng đồng, anh Thắng thành lập Hợp tác xã (HTX) Nông nghiệp và Dịch vụ Thiên Thắng với 10 thành viên, vốn điều lệ 500 triệu đồng. Với vai trò Giám đốc, anh trực tiếp hướng dẫn kỹ thuật và kết nối doanh nghiệp tiêu thụ sản phẩm cho bà con. Ông Phạm Văn Vốt, một thành viên trồng 0,5 ha dứa, phấn khởi: "Từ khi tham gia HTX, chúng tôi được hướng dẫn bài bản và có doanh nghiệp bao tiêu nên rất yên tâm sản xuất".

Đánh giá về mô hình này, ông Mai Văn Hân, Trưởng phòng Kinh tế xã Ba Vì, khẳng định anh Vũ Đức Thắng là điển hình tiêu biểu về phát triển kinh tế: "Anh Thắng là người tiên phong tạo động lực để nhiều hộ dân mạnh dạn chuyển đổi cây trồng, phát triển kinh tế trên đất đồi". Để bảo đảm tính bền vững, UBND xã Ba Vì cũng trực tiếp làm cầu nối giữa doanh nghiệp, HTX và người dân trong việc ký kết hợp đồng tiêu thụ.

Từ một kỹ sư công nghệ, anh Vũ Đức Thắng đã biến vùng đất đồi kém hiệu quả thành mô hình kinh tế tuần hoàn hiện đại. Câu chuyện của anh là minh chứng cho thấy: Với tư duy đổi mới, dám nghĩ dám làm và biết ứng dụng khoa học kỹ thuật, người nông dân hoàn toàn có thể làm giàu bền vững trên chính mảnh đất quê hương.

NGƯỜI TIÊN PHONG ĐƯA GIỐNG NHO MẪU ĐƠN VỀ QUẢNG NGÃI

Khánh Ly
Trung tâm Khuyến nông

Từ niềm đam mê khám phá giống cây mới, anh Hồ Xể (xã Thọ Phong, tỉnh Quảng Ngãi) đã mạnh dạn đưa giống nho mẫu đơn về trồng thử nghiệm. Sau nhiều năm kiên trì học hỏi, vượt qua không ít thất bại và đầu tư hàng trăm triệu đồng, khu vườn nho đầu tiên của anh đã cho những chùm quả ngọt, mở ra triển vọng về một hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp địa phương.

Mạnh dạn đưa giống cây mới về địa phương

Hiện nay, khu vườn nho của anh có tổng diện tích khoảng 1.000m². Từ quy mô ban đầu chỉ 500m², nhận thấy cây nho thích nghi tốt với điều kiện địa phương, anh quyết định mở rộng thêm 500m² để phát triển sản xuất, đồng thời hướng đến phục vụ khách tham quan và học tập kinh nghiệm.

Ít ai biết rằng, hành trình đến với cây nho bắt đầu từ sự tò mò và niềm đam mê tìm tòi. Những cây giống đầu tiên được anh mua từ một hợp tác xã cây giống ngoài Bắc, do một người từng đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc giới thiệu. Mỗi gốc giống có giá khoảng 380.000 đồng. Không có nhiều tài liệu hướng dẫn phù hợp với điều kiện khí hậu Quảng Ngãi, anh chủ yếu tự nghiên cứu trên internet, tham khảo kinh nghiệm từ nhiều nơi rồi trực tiếp thử nghiệm trên chính khu vườn của mình.

Kiên trì xây dựng quy trình canh tác theo hướng nông nghiệp sạch

Để phù hợp với điều kiện đất cát pha sỏi của Thọ Phong, anh thiết kế khu vườn theo từng ô riêng biệt kết hợp hệ thống giàn cao và mương thoát nước. Cách bố trí này giúp hạn chế ngập úng vào mùa mưa, giữ độ thông thoáng cho tán cây và tạo điều kiện để bộ rễ phát triển khỏe.



Du khách thích thú với vườn nho mẫu đơn của anh Hồ Xể

Theo anh Hồ Xể, cây nho khá dễ sống nhưng khó nhất là kỹ thuật xử lý ra hoa và đậu quả. Từ khi trồng đến khi cây cho trái phải mất khoảng ba năm. Trước thời điểm xử lý ra hoa khoảng một tháng, cây được bổ sung phân lân, kali kết hợp kỹ thuật "xiết nước" để kích thích phân hóa mầm hoa. Quá trình này đòi hỏi người trồng phải theo dõi sát và thực hiện đúng thời điểm.

"Từ lúc trồng đến khi cây đủ điều kiện cho trái phải mất khoảng 3 năm. Khó nhất là khâu tạo mầm hoa, kích thích cây ra hoa và giúp quả đậu ổn định. Chỉ cần sai thời điểm hoặc kỹ thuật chưa chuẩn là coi như mất cả vụ", anh Hồ Xể chia sẻ.

Sau khi đậu quả, vườn nho tiếp tục được chăm sóc nghiêm ngặt nhằm hạn chế sâu bệnh và ảnh hưởng của thời tiết. Nhà vườn thường xuyên cắt tỉa cành tạo độ thông thoáng, theo dõi nấm bệnh, sử dụng thuốc bảo vệ thực vật đúng thời điểm và bảo đảm thời gian cách ly trước thu hoạch. Để bảo vệ trái, mỗi chùm nho đều được bao bằng túi chuyên dụng nhằm hạn chế côn trùng, giảm tác động của thời tiết và nâng cao chất lượng sản phẩm.

Bên cạnh đó, toàn bộ khu vườn được đầu tư hệ thống nhà màng, phủ bạc mặt đất và mương thoát nước để giảm thiểu ảnh hưởng của thời tiết bất lợi. Riêng chi phí đầu tư giống, kỹ thuật, phân bón và vật tư trong giai đoạn thử nghiệm đã vượt 200 triệu đồng.

Theo anh, cây nho còn đòi hỏi kỹ thuật tạo thân, tạo cành và cắt tỉa sau mỗi vụ để duy trì năng suất ổn định. Chính sự kiên trì và tỉ mỉ trong từng công đoạn đã giúp anh từng bước làm chủ kỹ thuật của loại cây vốn được xem là khá khó tính.

Mở hướng phát triển nông nghiệp gắn với trải nghiệm

Hiện nay, sản lượng thu hoạch của vườn nho mẫu đơn đạt khoảng 60kg và đang được thu hái theo từng đợt khi nho đạt độ chín thích hợp. Dù sản lượng chưa lớn và mới chỉ đáp ứng khoảng 10% nhu cầu của khách hàng cá nhân, nhưng kết quả bước đầu cho thấy cây nho sinh trưởng tốt, chất lượng quả đáp ứng kỳ vọng và tạo động lực để anh tiếp tục mở rộng sản xuất.

Điều đáng chú ý là toàn bộ khu vườn hiện nay gần như do một mình anh đảm nhận từ khâu chăm sóc, cắt tỉa, xử lý ra hoa đến thu hoạch. Theo tính toán, mỗi gốc nho có thể khai thác từ 14–15 năm nếu được chăm sóc tốt, tạo cơ sở để phát triển sản xuất lâu dài.

Không chỉ hướng đến mục tiêu phát triển kinh tế, anh còn mong muốn xây dựng khu vườn thành điểm tham quan, trải nghiệm và học tập dành cho nông dân, học sinh, sinh viên và những người yêu thích nông nghiệp sạch. Trong thời gian tới, anh dự định tiếp tục hoàn thiện cảnh quan, mở rộng diện tích và giới thiệu quy trình trồng, chăm sóc nho nhằm góp phần quảng bá mô hình nông nghiệp sạch tại địa phương.

Từ những gốc nho đầu tiên được trồng bằng niềm đam mê và sự kiên trì, khu vườn của anh Hồ Xể đang mở ra một hướng đi mới cho sản xuất nông nghiệp tại Quảng Ngãi. Dù phía trước vẫn còn nhiều thách thức, nhưng những kết quả bước đầu cho thấy giống nho mẫu đơn hoàn toàn có khả năng thích nghi và phát triển trên vùng đất này khi được đầu tư đúng kỹ thuật và chăm sóc bài bản.

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Trần Phước Hiền kiểm tra thực địa dự án Nhà máy điện mặt trời Đăk Rơ Sa



Lãnh đạo các sở, ngành tham quan các gian hàng tại phiên chợ nông nghiệp xã Đăk Hà năm 2026



Đẩy mạnh công tác tập huấn mã số vùng trồng, mã số cơ sở đóng gói cho cán bộ khuyến nông cấp tỉnh, cấp xã, tổ khuyến nông cộng đồng



Đẩy mạnh công tác chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa hoặc cây trồng kém hiệu quả



Tăng cường trao đổi, chia sẻ kinh nghiệm phát triển sản phẩm OCOP, làng nghề và mô hình nông nghiệp trải nghiệm "Từ giá trị bản địa đến chuỗi giá trị liên vùng"



Các địa phương khu vực phía Tây tỉnh Quảng Ngãi đẩy mạnh phát triển sản phẩm OCOP gắn với du lịch và bảo tồn văn hoá

MỘT SỐ HÌNH ẢNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH



Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Nguyễn Đức Tuy cùng lãnh đạo các Sở, ngành, địa phương khảo sát các vùng sản xuất nông nghiệp



Chủ tịch UBND tỉnh Nguyễn Đức Tâm kiểm tra tiến độ thực hiện các dự án VSIP



Lãnh đạo các tỉnh miền Trung và thành phố Hồ Chí Minh chứng kiến các doanh nghiệp, chủ sản phẩm OCOP ký kết hợp tác



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Đỗ Tâm Hiển kiểm tra công tác xử lý rác thải tại Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ



Đảng ủy Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức trao tặng Huy hiệu Đảng cho các đảng viên 30, 35 tuổi đảng



Sở Nông nghiệp và Môi trường khảo sát vùng nuôi cá tầm tại các xã phía Tây của tỉnh

In 1.000 cuốn khổ 19x27, tại công ty TNHH Thương mại In Quảng Ngãi Plus, 296 Trần Hưng Đạo, phường Nghĩa Lộ, tỉnh Quảng Ngãi. Giấy phép xuất bản số 212/GP-XBBT do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Ngãi cấp ngày 02 tháng 4 năm 2026. Chịu trách nhiệm xuất bản: Nguyễn Quang Trung. In xong và nộp lưu chiểu tháng 9/2026.